

*Truyện tiền thân Kelisila*

*Phẩm Natamdaiha*

**NGƯỜI TÔN GIẢ THỜ KỆCH**

Câu chuyện này khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo Sư đã kể lại về tôn giả Lakuntakabhaddika. Tôn giả được biết đến nhiều trong Phật Pháp là một người có trí tuệ, lời nói dịu dàng, thuyết pháp dịu ngọt, đạt được sự biện tài, hoàn toàn đoạn tận các phiền não. Nhưng trong 80 bậc trưởng lão, tôn giả là vị nhỏ con về thân mình, là một người lùn. Tôn giả Lakuntaka giống như là một người hề trong đoàn xiếc hơn là một sa di.

Một hôm tôn giả đi về Kỳ Viên để đánh lễ Như Lai, lúc bấy giờ cũng có khoảng 30 vị tỳ kheo ở các tỉnh, quê cũng về Kỳ Viên để yết kiến và đánh lễ Như Lai. Gặp trưởng lão Lakuntaka trong khu vực tinh xá, tưởng tôn giả là một sa di, họ nắm góc y tôn giả, nắm tay, xoa đầu, bóp mũi, xách tai, ôm rung tôn giả, dùng tay xử sự nặng nề đối với tôn giả. Đùa giỡn chán chê, các vị ấy mới đi đến đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi được bậc Đạo Sư dịu dàng thân mật hỏi thăm, các Tỳ Kheo ấy mới hỏi :

- Bạch Thế Tôn, chúng con nghe nói có tôn giả Lakuntakabhaddika là đệ tử của Thế Tôn, thuyết pháp rất dịu ngọt, nay tôn giả ở đâu ?

- Nay các tỳ kheo, các thầy có muốn yết kiến tôn giả ấy không ?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Nay các tỳ kheo, người mà các người thấy nơi cổng, người mà các người nắm góc y kéo, dùng tay xử sự nặng nề khi các người mới đến, chính là tôn giả ấy !

Các thầy nghe xong, giật mình, bèn lấy làm ăn năn hổ thẹn đã xúc phạm đối với một vị trưởng lão, bèn cung kính hỏi Phật :

- Bạch Thế Tôn, vì sao một đệ tử đã đạt được những gì cao thượng như vậy, thành tựu đầy đủ đại nguyện, mà không có một chút uy nghi trong tăng tước ?

Phật bèn nói :

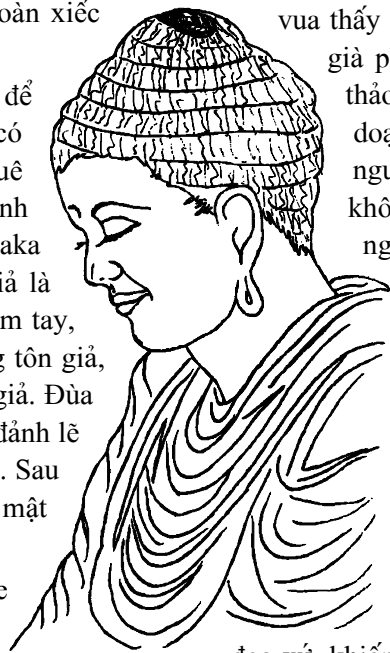
- Vì tội vị ấy đã làm ác nghiệp !

Rồi theo lời yêu cầu của các tỳ kheo, Ngài kể lại câu chuyện quá khứ :

Thuở xưa, ở tại thành Ba la nại, có một vị vua thường không thể chịu đựng khi nhìn thấy một con voi, con ngựa hay con bò nào đã già yếu, thậm chí đến cả con người. Tánh vua thường hay nghịch ngợm, thấy người và vật như vậy liền thường hay sai quân đánh đuổi. Ngay cả các vật dụng cũ kỹ, cũng làm nhà vua ngứa mắt. Nếu thấy chiếc xe nào cũ kỹ liền sai quân đập nát. Thấy bà già liền sai người đánh vào bụng, rồi dọa nạt bà già rằng đừng để cho vua thấy lần thứ nhì. Thấy ông già, bắt các ông già phải lăn lộn dưới đất, làm trò và quần thảo lão già cho chán rồi đuổi đi và cũng dọa đừng cho thấy mặt. Dần dần các người già đều không dám ra đường, vua không còn thú tiêu khiển như mỗi lần gặp người già, nên hề nghe nhà ai có người già, vua bèn cho bắt đem về đùa giỡn. Chẳng những không chỉ vua đùa giỡn như vậy mà các người hầu cận nhà vua cũng nghịch ngợm như vậy. Dân chúng trong thành xấu hổ liền đưa cha mẹ mình ra khỏi nước. Ra ở ngoài rừng, ngoài ruộng, các ông bà già không có con cái chăm sóc. Vì quốc dân sống thiếu đạo đức như vậy, nên khi chết bị đọa vào 4 đọa xứ, khiến cho hội chúng chư thiên bị tổn giảm. Vua Trời Đế Thích không thấy dân được sanh về cõi trời nữa, mới tìm hiểu nguyên nhân, và biết được nguyên nhân là vì ở thế gian đã mất đạo đức, người làm ác nên không thể sanh về cõi trời sau khi chết, mới quyết định : "Ta phải chặn đứng nguyên nhân này mới được !"

Đế Thích mới hóa thân làm một người già, xách một chiếc thùng vắt sữa bò trên một cỗ xe cũ kỹ, thắng vào xe hai con bò già.

Nhân ngày hội lớn, vua thành Ba la nại cưỡi trên lưng voi trang sức đẹp đẽ, đi nhiều xung quanh



thành được trang hoàng lộng lẫy. Khi ấy Đế Thích mặc áo rách rưới, đánh cỗ xe bò giả vờ đi ngang qua. Vua thấy cỗ xe cũ và ông già, liền sai người đuổi cỗ xe ấy đi, và bắt lão già lại. Nhưng do thần lực, Đế Thích làm thần thông để chỉ vua thấy được ông ta và cỗ xe, còn đoàn cận vệ không thấy gì cả, mới thưa :

- Bẩm hoàng thượng, có cỗ xe nào, và ông già nào đâu ? Kẻ hạ thần không thấy có cỗ xe và ông già nào cả !!!

Lúc đó Đế Thích lại đánh xe đi ngang trước mặt vua, chọc tức vua. Vua tức quá, càng ra lệnh cho quân bắt lão già, càng hét lác thì quân và cận thần lại càng tưởng vua bị điên rồ. Trong lúc đó, sau khi chọc cho vua tức, Đế Thích lại còn mang bình vắt sữa đập bể trên đầu vua. Từ đầu vua, sữa chảy lênh láng trên đầu trên cổ, khiến nhà vua trông thật dơ bẩn và ghê tởm. Sau khi làm cho vua khốn khổ, Đế Thích mới làm biến mất cỗ xe và hiện thân thành hình tướng vua Trời, tay cầm chùy kim cương, đứng trên hư không, đồng dạy nói cho mọi người đều cùng nghe :

- Này tên vua ác hạnh kia, bộ người sẽ không già sao ? Thân của người sẽ không bị cái tuổi già tấn công sao ? Nhà người lại nghịch ngợm, hành hạ, làm khổ nhục những người lớn tuổi. Chính vì do công việc của người làm khiến loài người chết đi tràn đầy địa ngục vì đã không chịu nuôi dưỡng mẹ cha. Nếu người không từ bỏ hành động này. Ta sẽ đánh bể đầu của người bằng chùy kim cương này. Bắt đầu từ nay, người chớ có làm như vậy nữa nghe chưa ?

Sau khi dọa nạt, vua Đế Thích mới nói lên công đức của mẹ cha, trình bày những lợi ích của kẻ kính trọng người lớn tuổi. Giáo huấn xong, Đế Thích trở về cung Trời. Từ ngày đó trở đi nhà vua ăn năn sám hối, không còn khởi tâm làm việc như vậy nữa.

Bậc Đạo Sư sau khi kể lại chuyện này, bèn cho biết : Lúc bấy giờ vua thành Ba la nại chính là tôn giả Lakuntakabhaddika, vì tánh nghịch ngợm đối với người khác nên bị nghịch ngợm lại. Còn Đế Thích (Kelisila) chính là ta.□

Vài suy nghĩ nhỏ về :

## Vu Lan và Địa Ngục trong Tâm Thức mỗi người

Tâm Minh - VTN

Mỗi mùa Vu Lan về, chúng ta thường nghĩ đến Mục Liên Thanh Đề, người mẹ nghiệp chướng nặng nề của ngài Mục Kiền Liên và thương hại cho bà đã bị đọa vào địa ngục, khi vừa đưa bát cơm vào miệng thì cơm đã hóa thành than hồng cháy đỏ, bụng đói mà không sao ăn được v.v... Câu chuyện xưa còn đó, nhưng có một điều chúng ta có quên không ?- Đó là : địa ngục ấy vẫn hiện tiền trên thế gian này, trong cõi đời này. Nhiều người trong chúng ta cũng đã từng trải qua cảnh ấy : bưng chén cơm ngon lành lên ăn, nhưng ăn không vô vì lửa thù hận, lửa đố kỵ, lửa nghi kỵ, lửa ghen ghét v.v... đang bùng cháy trong tâm, phải không bạn ? Đó chính là địa ngục trong tâm thức của mỗi người chúng ta. Nhân mùa Vu Lan năm nay, chúng ta thử tìm hiểu về địa ngục ấy.

Chúng ta thường nghe nói : "khi tham sân và chấp thủ nổi dậy thì trăm ngàn cửa địa ngục mở ra trước mắt" hay "một niệm sân nổi lên, đốt cháy cả rừng công đức". Như vậy câu hỏi : "địa ngục có hay không ? Nếu có thì cảnh giới ấy ở đâu ?" rõ ràng đã được trả lời rồi, phải không bạn ?

Địa ngục là nơi thọ nghiệp của những chúng sanh tạo nhân tham lam, sân hận và si mê. Có người bị ba thứ độc dược này khống chế và sai sử, luôn sống trong những toan tính, những âm mưu thâm độc để hại người rồi để lo sợ bị người hại và từ đó ăn không ngon, ngủ không yên, sống trong ác mộng ; cuộc đời bỗng dưng thành địa ngục, triền miên đau khổ phiền não, đó cũng là nguyên nhân của luân hồi trong 3 đường ác. Nói là ba thứ độc nhưng nguyên nhân cũng là thứ độc tưởng như

"thường tình" nhất, đó là THAM - đầu mối của mọi lỗi lầm đáng tiếc. Thật vậy, con người khi tham mà không được toại nguyện thì hay nổi sân và khi tham, sân đã chế ngự tâm ta thì ta không còn kiểm soát được lời nói, ý nghĩ và việc làm nữa, tâm trở nên bất an, náo động và hỗn loạn (biểu hiện của SI), nói những lời không nên nói, làm những việc không đáng làm, tư tưởng xấu xa đen tối, nói cách khác, ta đang ở trong cảnh giới địa ngục vậy.

Tại sao Tham ? Làm sao để chế ngự Tham, Sân, Si ? - Tham là vì quá ích kỷ, chỉ biết thương mình, chỉ nghĩ tới mình, cái gì cũng 'Tôi' và 'của tôi'. Bao nhiêu công sức, trí óc đều tập trung lo cho 'cái TÔI' và cái 'CỦA TÔI' : tôi phải giàu, tôi phải giỏi, con tôi phải hạnh phúc v.v... Suy cho cùng, ngay cả tình mẫu tử có khi cũng chỉ là một dạng đặc biệt của lòng tham, nói theo danh từ Phật học là do "chấp ngã" (chấp là có một 'cái TÔI'). Thật vậy, đã có những bà mẹ thương yêu con mình đến nỗi phải giết con của người khác để cướp ngôi vua ; có những bà mẹ hành hạ con người khác không chút thương xót để phục vụ cho con mình tối đa ; có những bà mẹ thương con bằng cách ép buộc nó đi theo con đường mình chọn, bắt chấp nguyện vọng, chí hướng, tâm tư, tình cảm của con, v.v...

Sự bành trướng của 'cái TÔI' là 'cái của TÔI'. Nhân danh 'quê hương tôi', 'gia đình tôi', 'đất nước tôi', 'đảng phái tôi', v.v... người ta đã gây ra biết bao nhiêu là lỗi lầm, tội ác ? Thật vậy, Tham Sân Si quả đã xâm chiếm hành tinh chúng ta : tham tiền, tham địa vị, danh vọng, tham mở rộng thị trường, phát triển quân sự, bành trướng thế lực chính trị, v.v... Chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi một ngày nào đó thế giới này bốc lửa, nếu chúng ta cứ để cho Tham, Sân, Si cháy bùng hay cháy ngầm trong lòng mỗi người, mỗi phe nhóm, mỗi đảng phái, mỗi quốc gia, v.v... Quả đất này rồi sẽ nổ tung khi 3 cái rễ lớn của tâm tự ngã Tham Sân Si khoét sâu vào lòng nó.

Muốn loại bỏ Tham Sân Si, ta cần phải huấn luyện tâm mình, vì một cái tâm thiếu huấn luyện luôn luôn dính mắc vào ưa - ghét, lấy - bỏ : Nắm giữ cái ưa thích, xua đuổi cái ghét bỏ, luôn phản ứng với mọi chuyện xảy ra trong chiều hướng ấy, đó là một cái tâm 'mất quân bình và mỗi mết'. Muốn đưa tâm về trạng thái quân bình và thanh thoi ban đầu, ta phải đối diện với những tư tưởng, tình cảm và cảm giác của chính mình, phải quan sát một cách đơn thuần những gì đang xảy ra trong tâm ta khi chúng

vừa khởi lên với một thái độ khách quan, không phê phán, đánh giá, tự hào hay xấu hổ v.v... và không can thiệp vào những gì đang xảy ra. Nói cách khác là ta phải thực tập chánh niệm trong mọi lúc và ở mọi nơi vậy.

Khi việc tu tập về sự quan sát đơn thuần này được phát triển và tiến bộ, chúng ta sẽ đối diện với tư tưởng và cảm giác của mình cũng như với hoàn cảnh và với tha nhân một cách khách quan, không còn bị tham ái, chấp thủ và sân hận chi phối. Danh từ nhà Phật hay gọi là "đối cảnh mà không khởi niệm" vậy. Từng bước, chúng ta sẽ loại dần 3 thứ độc Tham, Sân, Si ra khỏi tâm mình để thật sự có an lạc và giải thoát. Một cách tích cực hơn, như trong Duy Thúc dạy, ta phải tu tập thường xuyên 3 tâm sở Thiện : Vô Tham, Vô Sân và Vô Si. Vô Tham biểu lộ qua sự 'ít muốn và biết đủ', lòng độ lượng, không dính mắc, và bố thí ; Vô Sân biểu lộ qua tâm từ (đem vui), tâm bi (cứu khổ), nhẫn nhục, tha thứ, hỷ xả ; và Vô Si biểu lộ qua sự Tỉnh thức, Hiểu biết, nhìn mọi sự vật, hiện tượng và cả con người một cách như thật (như - nó - là) không thành kiến, không tham đắm, cũng không xua đuổi.

Ngày nay, con người đua nhau đi tìm các hành tinh mới, tìm hiểu mặt Trăng, Hỏa Tinh v.v..., đua nhau chế tạo vũ khí hạt nhân, hơn thua nhau trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị ... nhưng lại quên một điều vô cùng quan trọng : ấy là sự hiểu biết sâu sắc về nội tâm mình. Chiến tranh thế giới, hiểm họa lớn nhất của hành tinh chúng ta, phải chăng chỉ là sự biểu hiện của Tham Sân Si, của lương tâm con người dưới một hình thức vi tế hơn ? Chỉ có cách quay về với nội tâm, tìm hiểu chính mình, tu tập để loại bỏ ác tâm thì nhân loại mới có thể tự cứu mình ra khỏi họa diệt vong do Tham Sân Si gây ra, và mỗi người chúng ta mới không bao giờ phải đọa vào địa ngục của lòng Tham do chính mình dựng lên để nhốt mình mà thôi.

Mùa Vu Lan 2544 lại về, cầu mong cho chúng ta và tất cả loài hữu tình sớm thức tỉnh để đừng ai phải trở thành một Mục Liên Thanh Đề với chén cơm hoá thành than đỏ, đừng ai bị đọa vào Địa ngục ấy dưới bất cứ hình thức nào.□

## PIANO SONATA 14

Thầy Tuệ Sỹ

(Q.T Cô giáo dương cầm của tôi).

Lời giới thiệu : (theo tạp chí Khởi Hành và ô. Phạm Công Thiện)

Thầy Tuệ Sỹ còn là một nhà văn, một học giả, Thầy 'có tâm hồn thi sĩ chơi với, sống trọn vẹn trong thế giới nghệ thuật và thi ca, thổi sáo, chơi dương cầm, làm thơ, say mê thi sĩ Đức Hoelderlin, đọc hết toàn tập Đường Thi ngay nguyên tác, viết một tác phẩm sáu sắc, thơ mộng nhan đề : 'Tô Đông Pha, những phương trời Viễn Mộng'

Trước 1975, Thầy là Khoa Trưởng Phật Học Viện Đại Học Vạn Hạnh, là một trong những cây bút chủ yếu của tạp chí Tứ Tượng (nhóm chủ trương : Phạm Công Thiện, Ngô Trọng Anh, Tuệ Sỹ, Trí Hải, Chân Hạnh và Mạnh Thát).

Thầy sinh năm 1943, thế danh của Thầy là Phạm Văn Thuồng, pháp hiệu là Tuệ Sỹ do chính Thầy tự đặt, có lẽ vì muốn theo gương của vị đại thiên sư đời Trần : Tuệ Trung Thượng Sĩ (?). Thầy xuất gia từ khi còn rất bé tại Lào, vì gia đình Thầy cư ngụ tại đó. Thầy rất giỏi chữ Hán, rành chữ Pháp, chữ Anh, đọc hiểu chữ Đức, đọc được chữ Pali, chữ Phạn, và có kiến thức uyên bác về những Kinh Luận chính yếu của PG Nguyên Thủy và Đại Thừa. Ít có nhà Phật học nào ở VN có thể am hiểu tường tận về tư tưởng Abhidharma và tư tưởng Nagarjuna một cách sâu sắc cho bằng Thầy; ngoài ra Thầy còn có kiến thức sâu rộng về Triết học Tây phương, bài diễn thuyết đầu tiên về Michel Foucault tại VN hồi đó là do Thầy thuyết trình tại giảng đường viện Đại Học Vạn Hạnh. Vừa là một tu sĩ, một nhà trí thức Phật giáo mà tâm thức và hành xử hướng về Dân Tộc, Đạo Pháp nên Thầy đã bị nhà cầm quyền Cộng sản VN bắt giữ cùng với thầy Mạnh Thát và 19 vị Tăng, Ni, Cư sĩ khác vào năm 1984; rồi bị đem ra toà ngày 30/9/88 bị kết án tử hình. Nhờ sự phản đối của các tổ chức Nhân quyền cũng như hội Văn Bút quốc tế, hội Văn bút VN Hải Ngoại v.v. Hà nội giảm án thành 20 năm khổ sai và sau đó lại phải hủy bản án và thả Thầy ra ngày 2/9/98 - lúc đó Thầy cũng đã ở tù 14 năm rồi ! Hiện nay Thầy là TTK Viện Hoá Đạo thuộc GHPGVNTN do HT Thích Huyền Quang và HT Thích Quảng Độ lãnh đạo.

Chúng ta đã được đọc những tài liệu về Phật Pháp của Thầy viết cho ACE mình, những bản dịch hay chú giải các Kinh điển PG - gần nhất là Kinh Thắng Man

Thầy vừa hoàn tất dịch giảng mà Thầy đã ưu ái tặng cho ACE đại biểu của Đại hội GDPTVN/ HN (Hannover - Đức). Hôm nay ST xin giới thiệu 'Piano Sonata 14' một truyện ngắn của Thầy được xem là một trong những truyện ngắn hay nhất của VN, như gỏi một chùm nho quý, mùi vị thơm ngon hiếm có đến ACE để mình được làm quen với 'một Thầy Tuệ Sỹ mới', một nhà văn của 'những thiên thần quét lá' rất Việt Nam.

Đứng bên ngoài khung cổng sắt đã khóa kỹ, Nghi nép vào hàng dậu được kết bằng cây dâm bụt, nhìn vào bóng tối yên lặng đang bao trùm cả tu viện. Đây không phải là lần đầu tiên chú về trễ, và cũng không phải là người duy nhất về trễ như vậy. Các chú ranh mắt, hoặc vô tình hoặc cố ý, và bằng cách nào đó, đã làm cho một chấn song của cửa sắt gãy hết một đầu, chỉ cần kéo nhẹ qua là lách mình vào lọt. Rồi sau đó nấn lại, cánh cửa sắt vẫn lì lì như không hề biết đến những cuộc vi hành ngoài luật lệ thỉnh thoảng vẫn xảy ra. Sư trưởng của tu viện không hề hay biết. Ông vẫn tin ở sự cứng chắc của nó, như tin vào sự hiện diện vừa hữu tình vừa vô tình của mình ngự trị khắp tu viện, giám thị mọi sinh hoạt của các sư tăng trong một thú kỷ luật nghiêm khắc mà ông cho là đương nhiên. Không ai nói cho ông biết gì hết. Mọi người đều chuẩn bị sẵn cho mình những lối ra vào cần thiết. Cánh cửa lại không bao giờ biết nói. Nhưng lần đầu tiên Nghi vượt ra ngoài giới nghiêm của tu viện không phải ngang qua cái cổng bao dung ngầm đó. Chú đi bằng ngõ sau. Đó chỉ là một hàng rào bằng kẽm gai, không có trồng dâm bụt hay một thú hoa lá nào, chỉ cần cúi rạp mình xuống, cẩn thận vén các tà áo, có thể ra vào như không. Phía sau tu viện này là một vườn rau chạy dọc sát rào của nó. Bằng qua vườn rau khoảng hai chục thước là một con đường đất, rộng vừa đủ cho hai chiếc xe đạp tránh nhau. Bấy giờ là tháng cuối của mùa nghỉ hè. Sau giờ tĩnh niệm thường lệ mỗi tối, Nghi ra phía sau tu viện để tiểu, vì chỗ này có nhiều bụi chuối kín đáo. Nhìn dòng nước lấp lánh dội lên đám cỏ, chú nghe trong người khoan khoái, tâm hồn như mở rộng. Những luống cải xanh mát của khu vườn trước mắt đẹp hẳn lên. Chú nghe luồng trăng bạc như sương khuya lấp lánh đang nhảy múa chập chờn trên các luống cải. Âm hưởng ngọt ngào và quyến rũ. Cây cối im lìm trong một cảnh tượng thanh bình và trang nhã. Lắng tai nghe kỹ hơn, chú nhận ra âm hưởng đó từ phía bên kia con đường đất lan truyền đến. Ăn cắp chuối

trên bàn Phật, hay lên qua vườn rau nhỏ bầy vài bụi cải cho những cuộc kiết tập kín đáo, với bánh trắng mỏng và nước tương đậm ớt thiệt cay, đó không phải là chuyện hiếm có giữa các chú tiểu. Mặc dù Nghi chưa lần nào được giao phó công tác hái trộm rau, nhưng lên chui qua bên ấy là một việc hết sức tự nhiên. Lúc này thì cái âm hưởng quyến rũ kia cũng tự nhiên một cách vô tình khiến chú rập người xuống, chui qua hàng rào kẽm gai, băng qua vườn, sang tuốt con đường đất. Nơi đây chú có thể phân định phương hướng phát ra âm thanh chuẩn xác hơn. Vào giờ này, không chỉ là con đường vắng vẻ, mà cả một khu vực cũng hoàn toàn vắng vẻ. Suốt con đường về phía tay trái phồng chùng đó, duy nhất chỉ có một ngôi nhà ẩn sau nhiều bóng cây rậm rạp. Chú rẽ phía trái, rõ ràng đang có người chơi đàn trong đó. Xuyên qua khung cửa sổ, chú thấy một mái tóc chảy dài, nghiêng nghiêng theo âm điệu to nhỏ và tiết điệu buông lơi của tiếng đàn. Trên cao một chút, bóng đèn sữa đục được ủ trong một ánh sáng ấm áp của chính nó. Tiếng đàn đột ngột dừng lại. Chú ngơ ngác. Nhưng bóng người đã hiện rõ trên khung cửa. Chú muốn bỏ chạy, lại e là vô lễ, hoặc có thể là bị nghi ngờ. Lỡ người ta sang mách bên chùa, nhất định chú bị phạt nặng. Hàng xóm cũng hay lên chùa than phiền các chú phá phách, và các chú có khi bị phạt tập thể. Đợi một lúc, không thấy người đó động tĩnh gì cả, Nghi dậm chân muốn chạy. Nhưng tiếng nói từ bên trong vọng ra :

- Ai đó ?

Nghi không biết phải trả lời mình là ai. Lại có tiếng hỏi :

- Điệu bên chùa phải không ?

Cô này nhất định là người Huế. Giọng nói nghe kiểu cách, nhưng dịu dàng. Nghi có cảm tình ngay.

- Dạ.

- Chùng ni điệu còn đi mô khuya rứa ?

Nghi không trả lời ngay, và không chút ngần ngại, đẩy cánh cổng đi vào. Cổng chỉ khép hờ.

- Dạ, nghe đàn. Chạy đi coi thử.

Giương mặt chú hiện rõ qua ánh đèn đang hắt ra ngoài. Chòm tóc lệch qua một bên, phủ mép trán. Đôi mắt sáng ngầy thơ dưới hàng mi dài và cong. Chú đưa tay lên vuốt chòm tóc.

- Dạ, thưa cô!

- Điệu chun qua rào hả ?

Chú cười. Chớp hai hàng mi tinh nghịch. Nụ cười của trẻ thơ, trong trắng và hồn nhiên, nhưng quá nhỏ nhoi và khiêm tốn giữa một thế giới đòi hỏi

quá nhiều sự trang nghiêm và kính cẩn. Tuổi thơ hiếm hoi cho một tâm hồn tập sự săn đuổi những ước mơ ngoài tầm với bất của con người. Cô cũng mỉm cười theo chú, đưa tay hất ngược mái tóc về phía sau :

- Điệu vô trong ni đi.

Cô bước sang trái mở cánh cửa. Chú lách mình bước vào. Căn phòng, ngoài cái bàn nhỏ và một cái kệ sách, chỉ có một vật lạ đối với Nghi là cây đàn kê sát vách tường nhìn nghiêng ra khung cửa sổ. Chú đi thẳng lại đó, níu hai tay lên thùng đàn, cúi nhìn chăm chú những phím đen trắng chen nhau sắp thành một hàng thẳng. Sự thích thú hiện rõ trên đôi mắt. Cô ngồi xuống, trên cái băng ngắn đặt trước cây đàn và tựa một nửa người lên dây phím.

- Điệu đi tu chi rứa ?

- Dạ. Nghi ở với Thầy.

Chú thừa dịp, đặt cả bàn tay lên phím đàn và ấn xuống. Âm thanh so le nhau cùng tấu lên. Khi cất tay, chú nghe chúng ngân dài, lẫn vào thùng đàn như đang chìm sâu vào trong bóng tối hun hút phía sau.

- Điệu thích đàn không ?

- Thầy cấm. Mấy Thầy lớn bên chùa lên học, bị Thầy bắt được phạt hoài.

- Mấy Thầy lớn ?

- Dạ lớn lắm. Lớn bằng cô.

- Chú tên chi ?

- Dạ Nghi.

Chú nhích người ra, đứng nhìn thẳng xuống phím đàn, nắm chặt bàn tay phải, chĩa ngón trỏ thọc lên một phím đen. Ngón tay bị trượt sang, thọc luôn xuống phím trắng. Hai âm thanh nổi nhau, to nhỏ không tề chỉnh.

- Điệu muốn học đàn hả ?

Tiếng đàn chạy lui vào vách tường, có lẽ vậy. Chú nhón gót chân nhìn. Nhưng lưng đàn dựa sát vách.

- Thầy la chết.

- Thì cú chun qua rào như tối ni. Thầy biết mô.

- Đầu được.

Bỗng nhiên chú xoay người lại :

- Thưa cô, Nghi về.

Và chú tự động đến mở cửa, cầm đầu chạy thẳng. Bóng người lại xuất hiện qua khung cửa sổ. Nhưng chú không quay đầu nhìn lại. Băng qua vườn cải, rồi lách mình chun qua hàng rào, chú chạy thẳng về phòng. Trong bóng tối của căn phòng, chợt có tiếng nói : - Mi chết ? Tiếp theo, có tiếng người lẩn trên

giường, tiếng vỗ chát và tiếng hô : - Ê, làm gì kỳ vậy. Nghi biết đó là giọng của chú Đằm. Còn kia chắc là chú tiểu Mùi. Chỉ có chú này mới hay ngủ mó kiểu đó. Những ngày kế tiếp Nghi hình như quên bằng vụ chui rào của mình. Chú vẫn đùa giỡn, vẫn chăm chỉ làm công việc một chú tiểu trong chùa. Bốn phận hành điệu của chú là châm trà, lau bàn ghế và quét dọn trong phòng của sư trưởng. Không ai biết tuổi thơ trôi qua như vậy đang ấp ủ sự gì. Sự thành kính khi bưng ấm trà để vào khay. Sự ngần nấp khi treo râu trắng hạt vào tủ kính. Khi sửa lại ngay ngắn một bình hoa, một cây viết trên bàn, một quyển sách mà sư trưởng đang học dở. Tất cả những thứ đó không phải là kiểu cách mà người ta có thể nhìn thấy trong đôi mắt đen láy kia. Hằng ngày, chú lại phải học về ý nghĩa của sự vô thường, khổ đau và giả tạo đang đè nặng kiếp người. Mắt chú vẫn trong sáng. Nụ cười vẫn hồn nhiên. Thân tứ đại giả hợp, như cây bên bờ sông, như cỏ bên bờ giếng. Tất cả đều là mộng tưởng, thì chắc gì cái vô thường và khổ não kia của kiếp người không là mộng tưởng. Nhưng chú thích học những thứ đó. Thích nhìn sự giả tạo đó qua những hàng chữ nhỏ ngay ngắn và chú lại càng thích nắn nót sao cho chúng được ngay ngắn trang nghiêm như chữ viết của sư trưởng. Đêm trăng cũng thường quấn rừ chú. Những đêm như thế, chú hay ra phía sau tu viện, ngồi bó gối thu hình trong bóng cây. Nội cả tu viện này, chỉ có sư trưởng mới để ý. Vì sư biết rằng, đó là lúc chú đang ngồi khóc một mình. Tỉnh thoảng bắt gặp, sư dẫn chú về phòng. Căn phòng cho các chú tiểu ngủ chung. Chỉ có bốn chú, hơn kém nhau vài tuổi. Sát góc phòng là bàn thờ nhỏ. Đó là bàn thờ đặc biệt sư trưởng lập riêng cho chú. Bây giờ thì các chú nhỏ kia đã ngủ hết. Sư đốt lên một ngọn nến. Giữa bàn thờ hiện rõ ảnh bán thân của một thiếu phụ, tuổi khoảng trên ba mươi, gương mặt hao hao giống chú. Sư đốt nhang cắm vào bát và nói rất nhỏ :

- Má con vẫn ở bên con đó. Con không thấy, nhưng má con thấy. Con đừng khóc như vậy nữa mà má con buồn. Ngồi đó với má con. Lát nữa tắt đèn mà ngủ.

Sư trở ra. Chú ngồi xuống. Nhìn ảnh. Nhìn ngọn

nến bập bùng. Một năm có biết bao lần như vậy. Hằng ngày chú vẫn chăm chỉ học, vẫn hằng say đùa giỡn với chúng bạn và thỉnh thoảng vẫn thường ngồi khóc một mình. Ngọn nến do đó cũng lần hồi truyền vào da thịt chú sự nóng cháy kín đáo giữa cảnh khuya tịch mịch trang nghiêm đầy thành kính đó. Chú tắt cây nến. Thay vì leo lên giường ngủ, chú bước ra ngoài, đẩy nhẹ cánh cửa và khép lại. Phía sau tu viện, trăng vẫn sáng. Vườn cải bên kia vẫn im lặng. Buổi chiều, thầy trị sự sai các chú tiểu chuyển đóng ngói ở sân trước ra đây, dự định lợp lại miếu thờ bà Ngũ Hành. Đạo này, các sư trong chùa hay cãi nhau kịch liệt. Nhất là thầy trị sự cứ bị phản đối và bị sư trưởng khiển trách hoài. Thầy cho là các thứ kim, mộc gì đó trong đất tu viện khác nhau. Thầy nảy ra ý kiến thờ bà Ngũ Hành để mọi việc êm thấm. Miếu của bà được xây từ lâu rồi, trước khi có mặt thầy trị sự và có luôn cả trước sư trưởng. Tu viện này vốn là một ngôi chùa tu được nhường lại cho Giáo Hội, làm chỗ tu học cho các sư trẻ. Nhưng các sư này đa số lại hay nghịch. Về đây chưa bao lâu, họ đã lật úp bát nhang của bà và viết vào vách miếu ngay chỗ bà ngự bốn chữ "Bà đã đi rồi". Trải qua hai đời sư trưởng và bốn đời trị sự, nay đến thầy trị sự này



mới có ý định mời bà về lại. Nghe thầy trị sự giải thích tại không có bà nên tu viện hay xảy ra những chuyện tranh chấp tứ tưởng, các chú nhỏ lại càng không muốn bà trở lại. Vì các sư nếu cãi nhau nhiều sẽ bị phạt nhiều, bù vào chỗ họ hay ăn hiếp các chú. Nhất là chú Đằm và chú Mùi bị thầy trị sự phạt quỳ nhiều nhất, nên muốn thầy bị sư trưởng quở trách thích đáng. Hai chú nhỏ này rừ Nghi tối nay, đợi khi các sư ngủ hết, hè nhau ra đá lên đồng ngói thật nhiều để bà không dám về. Họ dấu chú Tiểu Đài, vì chú này được thầy trị sự thương, sợ mách lại. Sau bữa cơm tối, họ đã chuẩn bị uống nước thật nhiều để đá cho thật nhiều. Nhưng các sư chưa ngủ mà hai chú đó đã ngủ say hết. Nhớ mặt ước, quên cả cơn khát vừa rồi, quên má và quên sư trưởng, chú phăng phăng leo lên đồng ngói đứng đá, xoay người tứ phía y hệt như tưới rau. Chú cảm thấy hứng thú vô cùng. Và chợt nhớ mấy người trước chui qua vườn cải. Đá xong, chú chạy thẳng về phía hàng rào, chạy suốt sang con đường đất, và chạy luôn một mạch vào nhà có người đánh đàn hôm nọ. Và chú

chợt nhớ mình chưa biết tên cô. Ánh sáng còn hắt ra ngoài cửa sổ. Nghi thấy cô đang cúi đầu trên sách, hai tay vo tròn cây viết, vòng lên đầu quyển. Chú vịn tay leo lên khung cửa sổ :

- Thưa cô.

Cô giật mình, quay phát người lại. Hai mắt mở to kinh ngạc. Nghi thấy hai con mắt đó dễ thương hết sức. Không đợi cô trả lời, Nghi hỏi luôn :

- Nghi chưa biết tên cô !

Cô mỉm cười. Nghi thấy cái gì ở cô cũng khác má mình hết. Nhất là nụ cười. Nghi không nhớ má chú đã cười như thế nào. Thậm chí không nhớ rõ là có cười lần nào không. Ánh thờ trong phòng thì không bao giờ cười. Ngày thường, Nghi không hề để ý xem các cô lên chùa khi nói chuyện với các sư họ cười như thế nào. Các vong linh thờ sau điện Phật cũng có người cười. Mỗi khi các chú được sai lau ảnh, chú Đắm thường hay la lên :

- Người chết cũng cười tui bây ơi !

Chú Mùi lẩn quần đầu đó, chạy lại nói:

- Ê ! Coi chừng quả báo chết mi không được cười đa ghen. Quả báo rụng rặng hết.

Nụ cười của cô, Nghi thấy cũng dễ thương như đôi mắt của cô.

- Như Khuê. Được chưa ? Điệu ni coi rứa mà hoang quá hả?

Nghi nhảy vào trong. Thất vọng, thất vọng nhìn cây đàn đã bị đập nắp phím. Chú nhớ lại tiếng đàn hôm trước. Cô có thể đọc trên mắt chú thấp thoáng sự tìm kiếm, vì chúng chập chập lướt trên thùng đàn. Mặt thùng màu nâu bóng loáng, mà mắt chú thì lúc nào cũng sáng, và bây giờ chúng lại lấp lánh trong sự tìm kiếm mơ hồ.

- Muốn đàn hả ?

- Cô đàn chớ Nghi đâu biết đàn.

- Để cô dạy cho, Thầy điệu không biết mô !

Chú nghiêng đầu ra khung cửa. Nghe ngóng. Bên phải là sân cỏ nhỏ, chạy lùi về phía sau nhà. Góc rào kia là một cây hòe. Trước mắt, rải rác vài khóm hoa mà Nghi không biết là thú hoa gì. Như Khuê cũng đến đứng dựa cửa sổ nhìn ra với chú. Cô nhắc :

- Cô dạy Nghi học đàn nghe.

- Học liền hả cô ? Thích thiệt. Nghi dở đàn nghe.

Quả tình, Nghi đang khoái chí. Chú quay lại với cây đàn. Rảo mắt nhìn quanh, rồi đặt tay vào hai núm sắt. Khắp cả cây đàn, chỉ có hai cái núm đó là Nghi thấy có thể nắm được. Nắm và kéo, mảnh gỗ bật lên, nhưng kéo không ra. Phần trên nắp phím

vẫn không động đậy. Chú dở ngược lên, định giật mạnh. Như Khuê chặn lại :

- Coi, hư của người ta.

Cô đẩy nhẹ nắp phím thụt vào thùng đàn. Nghi cao hứng. Mười ngón tay bầu luôn cả vào phím. Chúng thi nhau chạy nhảy tứ tung. Âm thanh rộn rã.

- Bữa ni học chi kịp. Khuya rồi. Bữa khác, Nghi nhớ qua thiệt sớm nghe.

- Dạ đâu có được. Giờ đó Nghi phải trả bài cho thầy. Mà qua hoài, thầy biết phạt chết !

Đêm đã khuya. Mặc dù đây chỉ là một khu ngoại ô cách trung tâm Sài Gòn không mấy xa, nhưng vào giờ này, có lẽ cả xóm đã ngủ hết. Nhà cửa thưa thớt, cách nhau vài chục thước. Thêm nhiều cây cối và tàn rộng khiến cho chúng càng thêm biệt lập và khuất nhau. Chú tiểu ở chùa, quen sự tự nhiên của mình đối với khách thập phương lai vãng, nên không biết thế nào là thân hay sơ. Biết mặt và biết tên, chừng đó như đã để đủ trở thành bà con ruột thịt. Nghi lúc nào cũng cao hứng, Như Khuê tự nhiên thấy mình đã thân thiết với chú vô cùng. Cô muốn hôn lên đôi mắt thần tiên của chú. Cửa chùa không biết có vĩnh viễn khép kín nổi con người có cái phong vận như thế. Nhưng chắc cũng có mấy ai có thể nhìn suốt qua đôi mắt kia mà thấy được bóng dáng của huyền mộng phù sinh. Cô đâu biết, và chưa bao giờ thấy sự thành kính của chú và đôi mắt mộng lung như khói trầm. Dù vậy, ngay lúc này, cô thấy rõ hơn ai hết, có lẽ vậy, sự nóng cháy đam mê trong đôi mắt thần tiên đó. Thế mà cô cũng chưa bao giờ thấy được sự nóng cháy của một ngọn nến lẻ loi giữa đêm khuya tịch mịch. Cô bỗng thấy trong tâm tâm mình bây giờ y hệt như một họa sĩ vẽ trúc đã mọc đầy trúc trong bụng. Cô mong cho sự nóng cháy kia không sớm bị dập tắt dưới những kỷ luật lạnh lùng nơi tu viện. Cô có cảm giác mười đầu ngón tay của mình đang vượt nhẹ lên mặt hồ với những lượn sóng nhỏ. Cô ngồi lại trước cây đàn. Bàn tay trái mở rộng, đầu ngón cái và ngón út cũng ấn nhẹ lên hai phím đen, ngón trỏ và ngón áp út điểm đều đặn trên các phím đen trắng bất thường. Nghi chưa bao giờ thấy ở đâu có sự dịu dàng bao la như những ngón tay đó của cô bây giờ. Chú đưa tay lên vuốt chòm tóc. Bất chợt, chú cũng xòe rộng bàn tay trái, đập lên các phím đàn. Như Khuê vừa đàn vừa la :

- Đùng phá. Để người ta đàn cho mà nghe.

Nghi rút tay lại. Chạy vòng qua phía tay phải của cô. Nhìn một lúc, chú lại thò tay phải ra, đập một

lượt bốn phím trắng.

- Phá hoại hà. Không đàn nữa.

Chú đứng lui, núp sau lưng cô. Như Khuê đứng dậy. Cô nhìn thấy chú ngỡ ngàng, thất vọng.

- Nghi mấy tuổi ?

- Mười hai.

- Học ở mô ?

- Nghi sắp lên đệ lục. Nghi đi học buổi sáng.

Ngoài trường Hồ Ngọc Cẩn đó, cô biết không ?

- Hằng ngày Nghi có hay ra khỏi chùa đi chơi không ?

- Cô hỏi nhiều vậy. Nghi mỗi chân rồi.

Chú chống tay, nháy lên ngồi trên khung cửa sổ:

- Đâu có được. Phải có Thầy dẫn mùi được đi.

Còn không thì trốn đi như tối nay đó.

Như Khuê cười. Chú tiểu này quả có lí lắc thật. Cô thích được nắm chỏm tóc của chú mà vuốt dài xuống, Cô đứng tựa mình lên khung cửa và nhìn lên bầu trời. Trăng khuya, lác đác vài ngôi sao. Một ngôi sao.... Xa quá....

- Nghi buồn ngủ chưa.

- Chưa. Nghi thức suốt đêm 30 rạng mừng 1 tết.

- Chi rứa.

- Tại quen. Hồi trước, má Nghi dẫn Nghi tới Thầy, rồi đi đâu mất. Tết năm đó, nhớ má Nghi không ngủ được. Mấy tháng sau nghe thầy nói má Nghi chết rồi. Ở đâu không biết. Nghi có bàn thờ má trong phòng !

Như Khuê nghe cánh tay chú đụng vào người, cô nhìn lại. Chú đang kéo chỏm tóc sang một bên.

- Nghi muốn về chưa ?

- Chùng nào cô buồn ngủ Nghi về. Thầy chắc tưởng Nghi ngủ trong phòng. Ủa ! Nghi về chớ. Mai mốt cô qua chùa chơi nghe.

Chú nhẩy ngay xuống đất và chạy thẳng ra cổng. Như Khuê đứng nhìn bóng trắng khuất ngoài hàng rào bông bụp.

Ngang qua thiền thất, Nghi thấy sư trưởng bắc ghế ngồi nhìn ra phía trước cổng. Cổng sắt đã khép kín. Con đường kéo dài bất tận. Tiếng đàn buông lời và chạy suốt, mất hút ngoài kia. Nghi lén nhìn sau lưng sư trưởng và sư trưởng thì nhìn vào bóng tối của con đường vì sư biết đó là Piano Sonata 14 với tiến nhịp của sostenuto, chậm nhưng vĩnh viễn chìm sâu trong bóng tối như những làn sóng nhỏ ôm bóng trăng mà ngủ vùi trên bến cát. Cho đến lúc, Nghi cũng biết được rằng, đó là Piano Sonata 14... □

# Nơi đây

Thiện  
Tín -  
Phan  
Tiến  
Dũng  
  
(Tặng  
các  
ACE  
trại  
Anô ma  
Ni Liên,  
München  
6/2000)

**Ở** nơi đây, có gì mà vui thế !

Giữa nắng hè nóng bức chẳng có bia  
Mà chỉ tương chao, mặng xào đậu hũ...

Còn canh chua không cá mới lạ kỳ.

Thời gian ít... học nhiều nên phải gắng

Như đèn cù quay tít chẳng nghỉ ngơi

Lại còn nữa nơi đây chật chội quá.

Cả trăm người một phòng tắm ... hai ngăn

Phái tóc dài .... được ưu tiên ... làm đẹp

Tắm ban ngày...thoải mái...phải không em ?

Còn con trai...kiếp trước đã tu rồi

Nên bây giờ chỉ qua loa tắm tối.

Ở nơi đây trong "sân chơi " sân gỗ

Khi đêm về giấc ngủ vẫn an nhiên.

Quên mọi thứ giữa đời thường nhận nhip

Chẳng nhớ gì tới bóng đá Euro

**7** hướng bè bạn từ xa xôi miền bắc

Vượt đường dài... đêm tối đến nơi đây

Tính đi về cỡ vài ngàn cây số

Như Norddeich, Hamburg chạy vội vàng

Hannover cũng xa giống Berlin

Duy Nürnberg là anh em gần nhất

Cũng nhin ăn vội vã để chạy về...

"Bây gia đình ta bên nhau vui quá

Không phân chia cũ mới, giàu nghèo.

Cùng nắm tay ta chơi trò chơi lớn..."

Từ sự tích tìm con đường giải thoát

Những khổ đau bất hạnh giữa cuộc đời

Của thái tử Tất Đạt Đa thừa trước

Vượt ngàn trùng "trạm cản" để mà đi

Giữa München phía nam thành phố lớn.

Nhớ không em? Ngày đầu tiên buồn ... ngủ

Bởi suốt đêm ai cũng bận "rộn ràng"

Kê trên đường đi, người lo trang trí

Lúc ban đầu "rầm rối" thấy thương thương

**N**hưng sau mưa nắng bao giờ cũng đẹp

Hết ưu phiền là đây áp niềm vui

Vi ta sống có lục hòa làm bạn

Cảm hóa người "nhiếp pháp" đã học qua

Ồ ra thế ! Khi cùng người chịu khổ

Thì khổ đau cũng mất tự lúc nào...

Và như thế bớt một phần ràng buộc...

Chính nơi đây tạo vườn hoa mới nhú

Cho lá xanh tươi tắn ở đầu cành

Như đời ta sắp bước vào lớp một

Trại lần này đã hé nở tình thương.. !□

*Trang Y Học*

**CÂY THUỐC HOÀN NGỌC**  
**HAY CÂY NHẬT NGUYỆT, NỘI ĐỒNG V.V...**  
**TÊN DƯỢC ĐẶT CHÍNH THỨC :**  
**XUÂN HOA**  
**Pseudoranthemumpolatiferum**  
**Nees Radlk thu⌣c h⌣ ô rô(Acanthaceae)**

Nguyễn Hưng sưu tầm

Nhờ có tên khoa học, ta có thể tìm được tên Trung Quốc là Sơn Xác Cốt và một cây rất gần là Vân Nam sơn xác cốt, nhưng tham khảo những tài liệu về y học cổ truyền Trung Quốc không thấy giới thiệu công dụng nào đáng lưu tâm về cây hoàn ngọc. Đối chiếu với những công dụng của cây lưu truyền trong dân gian Việt Nam, cũng chỉ thấy trong các tờ bướm đưa ra một ca chữa ung thư gan dùng lá cây xanh cho bệnh nhân uống vào bụng nhỏ lại, làm cho gia đình người bệnh phấn khởi, nhưng rồi bệnh nhân vẫn qua đời và chưa thấy ai dùng lá cây này mà khỏi bệnh. Phân tách lá cây hoàn ngọc ở Việt Nam thì trong lá có chất sterol, coumarin, đường khử carotenoit, acid hữu cơ, B sitosterol nhưng chưa xác định được hoạt chất. (GS.TS. Đỗ Tất Lợi) (Kiến Thức Thời Nay 01.10.2000 số 342).(Đây là câu trả lời của GS do một đọc giả hỏi về công dụng lá Hoàn Ngọc có thể chữa được bệnh ung thư không?)

**CÂY THUỐC KỲ DIỆU HOÀN NGỌC**  
**HAY CÂY NHẬT NGUYỆT, NỘI ĐỒNG V.V...**  
**TÊN DƯỢC ĐẶT CHÍNH THỨC XUÂN HOA**

Từ một hiệu quả điều trị cho một bệnh nhân bị ung thư gan, sau khi các loại thuốc bó tay, khi được ăn những lá tươi xanh, người bệnh đã có những chuyển biến bất ngờ : nhiệt độ từ 39° C hạ xuống còn 37° C, cơn đau dứt hẳn, nước da bớt vàng, bụng nhỏ lại, người nhẹ nhàng có thể ngồi dậy tiếp chuyện.

Cái gì có thể làm chuyển bệnh nhanh chóng đến như vậy? Biểu hiện công hiệu của thuốc như sau: Sau khi ăn từ 20 phút đến 60 phút thuốc có công dụng. Nếu ăn 5 lá giảm đau được 3 giờ, 7 lá thì 5 giờ tương đương với một liều thuốc đặc trị.

Thực tế ấy làm cho gia đình người bệnh ngạc nhiên, nhưng với lòng luyến tiếc vì nếu dùng thuốc sớm hơn thì kết quả có thể hy vọng cứu được người bệnh.

Bằng lá cây, trong lúc bệnh tình đã đến giai đoạn cuối, nhưng gây được chuyển biến như vậy thì thật tuyệt vời. Đó là cây "Hoàn Ngọc", cây thuốc cực kỳ quý giá, một món quà của thiên nhiên tặng cho con người.

Xuất xứ cây này được gọi là cây "Con Khi", vốn dĩ là khi ăn chữa khỏi thủng ruột, nhưng sau này đổi thành "Hoàn ngọc" vì đã trả lại cho chú bé hòn đá đã biến mất do trẻ chơi nghịch đá vào nhau. Cây thuốc như cứu tinh trong nhiều trường hợp thúc bách không rõ căn bệnh. Nhưng sau khi ăn diễn biến của bệnh tương tự như một hành động tự điều chỉnh trạng thái cơ thể, chỗ nào yếu điều trị chỗ đó.

**Có thể nêu công dụng của cây thuốc như sau:**

Khôi phục sức khỏe cho người ốm yếu, mệt mỏi, người già suy nhược thần kinh, làm việc quá sức, khủng hoảng về tinh thần và về thể lực.

- 1) Cảm cúm nhiệt độ cao, rối loạn tiêu hoá.
- 2) Chấn thương, chảy máu, dập gãy cơ thể có thể dùng như thuốc uống và thuốc đắp. Đặc biệt hiệu nghiệm với chấn thương sọ não.
- 3) Khi bị nhiều bệnh một lúc như bệnh đường ruột, cảm cúm, gan, thận.
- 4) Đau dạ dày, chảy máu đường ruột, lở loét hành tá tràng, viêm loét đại tràng, trĩ nội.
- 5) Đau gan, xơ gan cổ trướng.
- 6) Viêm thận, viêm đường tiết niệu, sỏi ra máu, sỏi buốt, sỏi đục, u phổi, đau nhức. Sau khi uống hoặc ăn 100 đến 200 lá, khỏi hẳn, tràn dịch, phổi đều tốt.
- 7) Đau bên trong không rõ nguyên nhân.
- 8) Đau mắt đỏ, mắt trắng, đau ứ máu.
- 9) Phụ nữ đang có con cho bú, ăn lá không ảnh hưởng lên tuyến sữa nên có thể dùng để chữa cho mẹ và con.
- 10) Đối với người có bệnh huyết áp cao hay thấp ăn lá thuốc đều có hiệu quả. Ổn định thần kinh, chữa rối loạn thần kinh thực vật.
- 11) Có thể dùng cho động vật ăn như chó Nhật để một ngày ăn là sạch ngay. Gà chọi sau khi cho ăn lá sẽ khôi phục sức khỏe gấp 5 lần.

Theo tôi dùng chữ "Thần dược" với cây thuốc này cũng không quá, là một nhà nghiên cứu tôi muốn đặt câu hỏi tại sao? để chúng bàn luận.

Tại sao khi ăn vào, thuốc có khả năng điều chỉnh làm cơ thể ổn định? Có lẽ nếu chờ phân tích hoá chất gì đã tạo nên những hiệu quả như vậy? Chúng ta phải tốn rất nhiều thời gian và bỏ phí cơ hội tốt. Theo kinh nghiệm của nhân dân, ta hãy rút ra từ thực tế. Ví dụ: suy nhược thần kinh nặng, huyết áp cao, huyết áp thấp, đái ra máu, đái rắt, đều chữa được rất nhanh chóng. Có những bệnh xem như đối lập nhau cho một loại thuốc, nhưng ngược lại thuốc vẫn chữa được. Phải chăng theo quy luật "bảo toàn" cơ thể con người có khả năng bảo tồn lấy sức khỏe nên đã tự động tăng sức đề kháng hoặc tự điều chỉnh, tự cân bằng tương đối để chống lại bệnh tật. Do đó hầu hết các bệnh đều khắc phục được. Ở đây khi dùng lá "Hoàn Ngọc" lá thuốc này có tác dụng chữa bệnh như các loại khác, nhưng nó còn có tác dụng như châm cứu, tức là tự động điều chỉnh cơ thể, nhưng hoàn toàn tự động hoá để khắc phục bệnh tật. Đó là tác dụng cân bằng Âm Dương, vì vậy cây có tên là "Nhật Nguyệt", chính vì thế nó mới có khả năng chữa nhiều bệnh một lúc như vậy. Chính từ luồng suy nghĩ đó, chúng tôi đã vận dụng và chữa được nhiều bệnh và hồi phục sức khỏe, tuy nhiên với từng người cần phải có liều lượng cho phù hợp do tính chất cân bằng âm dương và hàn nhiệt của từng người.

#### Về hình dạng cây thuốc:

Đây là loại cây lá mềm, nhọn, mặt trên hơi nhám, xanh sẫm. Mặt trái màu xanh nhạt, hình lá tương tự như cây đào nhưng không có hoa(?). Cây có lá đối xứng, kê lá, chồi cành. Cây chứa lá ủa không lâu, chỉ vàng một chút là rụng ngay. Cây có sức sống như măng mọc thẳng. Nhân giống bằng cách ngắt ngọn cắm ươm xuống đất.

#### **Cách dùng và liều lượng:**

Người ta dùng lá tươi là chủ yếu, lá tươi ăn ngay hoặc giã lấy nước đặc uống. Nấu chín lá ăn như canh.

Do tác dụng chủ yếu là chất nước trong lá nên vỏ cây hay rễ có thể chế xuất bằng rượu hoặc nấu lấy nước. Lá tươi không có mùi vị, dễ ăn. Liều lượng

nhiều hay ít tùy thuộc vào từng người thường ăn từ 1 đến 4 lá, nhiều nhất không quá từ 7 đến 9 lá. Nếu quá liều có thể gây phản ứng nhẹ như người bị choáng, nhưng chỉ sau ít phút là khỏi. Giãn cách giữa các đợt ăn từ 7 giờ trở lại. Thường người ta ăn 2 lần trong ngày trước khi ăn cơm, không phải kiêng khem.

#### **Sơ Bộ kết luận một số liều lượng**

##### *Các số liệu nêu sau đây là phổ biến (trừ ngoại lệ)*

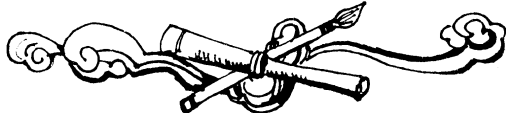
- *Đau dạ dày do lở loét, viêm lấy ăn 2 lần 1 ngày. Mỗi lần không quá 7 lá, ăn khoảng 50 lá. Chảy máu đường ruột, ăn lá tươi hoặc uống lá già nát từ 7 đến 18 lá (1 đến 2 lượt)*
- *Viêm đại tràng cơ thắt, ăn như trên, ăn 100 lá, kết hợp ăn lá mở lông trong bữa ăn từ 1 đến 2 tháng.*
- *Viêm gan, sỏi gan cổ trướng: ngày 2 đến 3 lần, ăn 7 lá, khoảng 150 lá.*
- *Đau thận, viêm thận đau thường xuyên không quá 50 lá, khoảng 30 lá đã dứt cơn đau, nên ăn mỗi lần từ 3 đến 4 lá, 3 lần 1 ngày.*
- *Tiêu lỏng, lỵ, rối loạn tiêu hoá: từ 7 đến 14 lá 2 lần là khỏi.*
- *Mệt mỏi toàn thân: từ 3 đến 7 lá, ăn 2 lần.*
- *Đái dầm, đái buốt, đái ra máu: 14 đến 24 lá, giã nát, uống nước đặc.*
- *Chữa bệnh gà rù: 1 đến 3 lá.*
- *Gà chọi: sau khi đấu, ăn 1 đến 3 lá.*
- *Đau mắt do ứ máu ăn 7 lá, giã 3 đắp vào mắt sau 1 lần sẽ khỏi.*
- *Làm thuốc là để tự cứu lấy mình và giúp người khi có điều kiện. Đây là những kinh nghiệm bản thân, tôi không muốn phổ biến sợ có người hiểu là hờ dờ. Tuy nhiên nếu các bạn thu nhận được những gì đúng thì lấy đó làm kinh nghiệm.*

Mặt khác, sau khi có kinh nghiệm, đề nghị nên trao đổi.

Giáo sư Nguyễn Trọng Nhân

Nguyễn Bộ trưởng Bộ y tế

*Quần thơ Sen Trắng*



Vũ Áo Lam phụ trách

Môn dịp về phó hội Đại hội GDPT VN hải ngoại tại chùa Viên Giác, Vũ gặp chị : một phụ nữ gần 70, tóc đã điểm nhẹ vài sợi sương trắng, "vai chị gầy guộc nhỏ như cánh vạc về chốn xa xôi", lưng chị hơi cong, dấu vết của những năm tháng gian lao vất vả, nhưng nét mặt chị vẫn rạng rỡ niềm lạc quan. Khi tiếp chuyện, chị luôn nở nụ cười khả ái, cất tiếng Huế "răng mà nhẹ như bông, êm như gió thoảng". Sau khi chị được Huyền Trang phỏng vấn, chị tặng Huyền Trang tập thơ **Tâm sự kẻ lữ hương**, một tác phẩm đầu tay mà chị muốn lưu dấu kỷ niệm lại cho con cháu chị. Tập thơ tuy không đồ sộ nhưng gói ghém cả một tâm hồn lai láng thi thơ. Khi được Hội Văn bút Việt Nam Ontario cho xuất bản, chị đã dâng tác phẩm này lên hương linh hai cụ thân sinh ra mình.

Lúc Huyền Trang trao lại cho Vũ, nói : "Chị tặng tập thơ này cho em, em cho anh mượn xem trước". Cầm tập thơ trên tay, thật là một sự ngẫu nhiên khi một nửa bút hiệu của chị là tên của mình : **Phong Vũ**. Nếu trong tên mình chỉ có mưa, thì tâm hồn thơ của chị cũng nhiều mưa gió, như lời tựa của Y La - Lê Khắc Ngọc Quỳnh đã giới thiệu tập thơ của chị.

Chị làm thơ, nhưng không nhận là thơ, còn ý thơ luôn phản ánh ít nhiều tâm tình người con Phật :

*Tôi đâu dám múa rìu qua mắt thợ  
Chỉ trôm trôm những chữ ghép thành câu.  
Và cầu mong, nhân loại vạn đời sau.  
Xóa tan hết, hận thù đừng chồng chất.*

*Là tâm nguyện của một người con Phật,  
Lấy tử bi, trí tuệ đứng hàng đầu,  
Dù cuộc đời có lắm chuyện bể dâu !  
Vẫn xem "nhẹ tựa lông hồng" bay bổng.*

**(Nhẹ tựa lông hồng)**

Thế nhưng cái "cuộc đời có lắm chuyện bể dâu"

này có mấy ai dễ xem "nhẹ tựa lông hồng" được đâu ! Chị cũng rúa, là một huynh trưởng lão thành trong GDPT, làm sao không biết đời là vô thường. Chuyện vô thường rất thường mà cũng vẫn không tránh được những cảm xúc, phần nhiều là đau thương trong tâm hồn. Gần 70 tuổi đời, không biết bao nhiêu lần chị đã tuôn lệ cho cái cảnh sinh ly tử biệt :

*Trong một năm trời ba cái tang !  
Cái nào con Phật cũng bàng hoàng !  
Ôn già, thầy trẻ ra đi hết !  
Để lại chùa chiền ai sửa sang ?*

*Riêng con năm bốn tuổi rồi đây,  
Đứng lặng chấp tay trước mộ Thầy,  
Hai hàng châu lệ rơi không ngớt,  
Gió lạnh, thân con lại quá gầy !!!*

**(Trần ngập đau thương)**

Ba cái tang năm 1984 mà chị bị trần ngập đau thương đó là 3 cái tang chung của Phật tử Việt Nam dành cho 3 vị chư Tôn Đức : HT Thích Trí Thủ, Thầy Thích Thanh Trí trụ trì chùa Báo Quốc - Huế, và Thầy Thích Thiện Lộc trụ trì chùa Từ Đàm - Huế :

*Thầy ra đi một ngày trời quang đãng,  
Và một đêm, trăng sáng giữa tháng ba,  
Đệ tử Thầy, còn lại cõi Ta Bà,  
Nín không khóc, lệ củ trào nhỏ giọt !*

*Mười một ngày, hai cái tang đau xót !  
Cả cuộc đời Phật tử của chúng con,  
Từ trên non xuống biển ruộng lấm bùn,  
Ngừng hoạt động khi tin buồn mang đến !*

*Thầy ra đi, con như thuyền không bến !  
Yếu tay chèo, biết sẽ tấp vào đâu ?  
Cả đại dương, trần ngập sóng u sầu !  
Thuyền con bé, ngăn sao dòng nước ngược !?*

*Hôm nay đây trăm ngày Thầy nhẹ bước,  
Lướt thuyền từ cặp bến đợi chúng sanh,  
Chúng con xin giữ giới luật tu hành,  
Tô đậm nét, đời thêm "Chân - Thiện - Mỹ"..*

**(Một chuyến đi, nhân kỷ niệm 100 ngày của  
Thầy Thích Thanh Trí, 23 - 6 âm lịch 1984)**

Khi Sen Trắng đến tay quý vị thì chúng ta đang

trong mùa Vu Lan 2544. Vu lan về, người còn mẹ thì thường hay quên mẹ, và lại để cái hạnh phúc còn mẹ của mình bay bổng như "lông hồng" chẳng lưu ý, chẳng đoái hoài ! Còn người mất mẹ thì mới thấy sót sa buồn khổ. Ra thăm mồ cha mả mẹ, mấy ai không nặng lòng nhớ đấng sanh thành mà ngậm ngùi tái tê (!) hồi tưởng những ngày cha mẹ còn sống :

*Mỗi độ Vu Lan về,  
Lòng tôi thấy tái tê,  
Vì tôi không còn mẹ !  
Ai áp ủ, vuốt ve ?!*  
*Tôi nhớ thuở xa xưa,  
Mẹ nằm võng đu đưa,  
Ru tôi bằng tiếng hát  
Và những lời ngậm thớ ...*

*Thở rằng : Vu Lan đến,  
Con Phật chỗ có quên,  
Ồn cha, cùng nghĩa mẹ,  
Chữ Hiếu để lên trên ...*  
*Hát rằng : ngày tị tứ,  
Con Phật không tị lự,  
Đi hui sàu viễn xứ,  
Vẫn giữ vững tâm tư ...*

*Tâm thành dâng cúng Phật,  
Tứ tưởng hưởng quê hương,  
Cầu nguyện mọi cát tường,  
Sống hoà bình, an lạc ...*

*(Vu Lan về)*

Nhớ người đã khuất, nhớ người còn sống, cứ như vậy, Vu Lan đến rồi đi, ít nhiều cũng để lại cuộc sống này những hương vị đầy ý nghĩa. Năm tháng càng chồng chất, tuổi thanh xuân càng xa vời thì người ta càng nhớ về dĩ vãng tuổi mộng mơ. Vào cái tuổi mộng mơ, chị đã tham gia tổ chức từ lúc còn mang tên Gia đình Phật Hóa Phổ, là đoàn trưởng đoàn Liên Hương, vui đùa ca hát cùng các chị em khác, cái tập thể thiếu nữ vui đùa đó cũng đã khiến nhà thơ Hàn Mạc Tử vui theo và tự hỏi :

*Cỏ non xanh ngát tận chân trời,  
Bao cô thôn nữ hát trên đồi,  
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,  
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi ?!"*

*(Đôi Xuân)*

Thị chị Phong Vũ cũng đã mơ mộng "bỏ cuộc chơi" với một túp lều tranh hai quả tim vàng mà chị đã thổ lộ trong bài thơ đầu tay chị làm cách đây 52 năm gửi người anh họ :

*Chiều nay tựa cửa đứng nhìn xa,  
Tưởng tượng bên kia một túp nhà,  
Ở trong chửa đựng nhiều ân ái,  
Một vợ, một chồng, đứa con thơ...*

*Vợ ở nhà, trông nom con trẻ,  
Rảnh thời giờ, nội trợ tề gia,  
Chồng sửa soạn ra đồng cày cuốc,  
Tối lại về, xum họp một nhà.*

*Khi trăng tỏ, vợ đan, chồng đọc,  
Trẻ nô đùa với chị Hằng Nga,  
Chàng ngừng đọc, nhìn nàng âu yếm,  
Nàng dùng đan, sung sướng, hôn con,  
Cảnh gia đình êm ấm vương tròn,  
Ôi ! Chẳng khác bồng lai tiên cảnh ...*

*(Tuổi mộng mơ)*



Hình ảnh gia đình một nông dân trẻ, chồng cày vợ cấy đó ngày xa dần với hiện thực. Ngày nay nếu một gia đình nông dân Việt Nam nào mà chồng đi theo đuôi trâu, vợ đan rá hợp tác xã, thì cái gia đình đó chẳng những không thể là "bồng lai tiên cảnh" mà có người còn đánh giá là : "cái địa ngục trần gian", làm không đủ ăn !!! Rồi không ít người mơ mộng "bồng lai tiên cảnh" nơi trời Âu Mỹ. Mà thực tế Âu Mỹ cũng đâu đã là bồng lai tiên cảnh, quanh quẩn vẫn ở cõi Ta Bà.

Vòng quanh trong cõi Ta Bà này, ngày nay anh chị em lam viên chúng ta được định cư ở các quốc gia tự do Âu Mỹ, hẳn không thể quên được đã có lần chúng ta cũng đã mang mạng sống để thực hiện một chuyến đi đổi lấy tự do. Chị Phong Vũ có con đang định cư ở Canada, nhưng không đợi con bảo lãnh, mà chí phiêu bồng của người huynh trưởng, dù là một phụ nữ, đã thúc giục chị ra khơi với muôn vàn nguy hiểm. Cái số phận lênh đênh của người thuyền nhân tìm tự do ngày nay ngẫu nhiên ứng với câu thơ của Vũ Hoàng Chương ngày trước :

*Nhớ neo rời thuyền ôi xin mặc sóng,  
Trôi về đông hay dạt tới phương đòai,*

**Bê vô tận xá gì phường hưởng nữa !  
Thuyền ôi thuyền theo gió hãy lênh đênh !!**

Di nhiên là chuyến đi của chị thành công, chị đến Hương Cảng vào một buổi chiều đầu năm 1991 :

*Tôi đến SerKong một buổi chiều,  
Trời mùa đông lạnh gió đều hiu,  
Ngồi lâu nắng quái xuyên qua mắt,  
Tất cả thuyền nhân đã đói nhiều,*

*Mọi người im lặng chỉ nhìn nhau,  
Tâm hồn, thể xác để đâu đâu,  
Lăn tay chụp ảnh mà ngao ngán,  
Một thoáng u hoài nhớ Thanh Châu,*

*Chiều đến, ăn cơm với cánh gà,  
Sao mà sang quá thế này ta,  
Moa không ăn hết, toa ăn giúp,  
Vài người khoái tỳ, cười ha ha ...*

*Tối về nằm ngủ thiếu mừng che,  
Những đàn muỗi đói cứ vo ve,  
Hỏi tôi rằng : "Bác, sao không ngủ ?  
Gầy thế, thức hoài cháu ghét ghê ..."*

*Mệt quá nên tôi chẳng trả lời,  
Giở tay hất hất, bảo rằng thôi,  
Im đi cho tổ nằm đôi phút,  
"Ngoan cố" như mày "tạ xỉ" thôi !...*

**(Chiều SerKong)**

Mới đến Hồng Kông, nói chuyện với muỗi tàu mà chị đã lờ mờ tiếng Quảng Đông "tạ xỉ" (tả xấy : đánh chết) và đã mang âm hưởng Hoa ngữ vào thơ rồi, chúng tỏ phong thái thơ của chị phóng khoáng, tự nhiên và không thiếu chất tếu trong đó. Phong thái đó có lẽ là do chị là một chị huynh trưởng GDPT.

Cuộc đời sóng gió, nếu gặp sóng vùi thì buồn lo đã đành, mà sóng đưa lên cũng chẳng vui gì hơn. Khi ở trại thì mơ ước một chân trời tươi sáng nơi định cư nước thứ 3. Nhưng khi được định cư thì lại ôi thôi, chán ngán làm sao cái cảnh "không hợp với người già", rồi mơ về dĩ vãng :

*Có những lúc ngồi buồn ta lại hút,  
Điếu Capstan nhớ lại cảnh quê xưa.  
Ta thong dong dạo mát dưới hàng dừa,  
Cùng bè bạn trao nhau lời tâm sự.*

*Tưởng qua đây không còn gì tư lự,  
Ai đâu ngờ thưởng nhớ quá đi thôi,  
Có nhiều người than nhỏ tiếng trời ôi !  
Và cố gắng dành tiền quay trở lại.*

*Để ngày cuối sống cuộc đời thư thái,  
Chứ nơi đây không hợp với người già.  
Dù ông bà, hay mẹ, hoặc là cha,  
Con cháu, cháu vẫn thờ ở lạnh nhạt !*

*Nhưng may quá còn nguồn an ủi khác,  
Là cộng đồng người Việt của chúng ta,  
Biết giúp nhau đùm bọc giống người nhà  
Nên với bớt nỗi buồn nơi đất khách...*

*Thật đúng câu : "Lá lành đùm lá rách"  
Tuổi già nua, ngôn ngữ lại bất đồng*

*Nếu không nhờ người Việt biết cảm  
thông,  
E chết sớm, mong gì ngày trở lại !*

*Xa quê hương, vạn người buồn tẻ tái !  
Nhưng vẫn còn hy vọng một ngày mai  
Dù cuộc đời có lắm chuyện bể dâu,  
Con dân Việt, muôn đời yêu nước Việt.*

**(Tâm sự kẻ ly hương)**

Cũng may là chị còn tìm được nguồn vui nơi cộng đồng người Việt ở Canada, nếu không thì cái buồn đã làm "chết sớm". Chắc lúc chị mới định cư, chị chưa tìm được mái gia đình áo Lam, nơi chị đã dành nhiều tuổi đời để chia sẻ buồn vui. Chú nếu tìm được thì cần gì phải trút nỗi buồn lên điệu Capstan ?

Nhưng rồi chị cũng tìm được về gia đình thân thương. Sau một thời gian ở Canada, lý tưởng người áo lam lại lôi kéo chị đến với đàn em nơi hải ngoại, dù lúc đó chị đã trên 60 tuổi, nhưng vẫn trao cho đàn em những lời ưu ái truyện trò :

*Gia đình Phật tử Canada,  
Cố gắng làm sao hợp một nhà,  
Đừng để tiếng đồn thời mạt pháp,  
Tu hành giải đãi thiệt thân ta !*



*Hạt giống Bờ Đề cần phát triển,  
Để cho tự tánh bất lụy phiền,  
Thắng ta hơn thắng ngàn quân địch,  
Đòi vui Đạo hạnh sống như tiên...*

**(Nhắc nhủ)**

Và nhân dịp Xuân về, không quên chúc Thầy và các lam viên :

*Đầu năm khai bút đón Xuân sang,  
Xuân đến tô thêm vẻ huy hoàng,  
Cho nước, cho nhà, cho nhân loại,  
Một màu tươi trẻ, với hân hoan.*

*Chúc Thầy năm mới được an khang,  
Gia đình Vạn Hạnh, với Đạo tràng,  
Cùng nhau xây dựng Hoa Nghiêm Tự,  
Tu hành vững mạnh, tiếng đồn vang.*

**(Đầu năm khai bút)**

Tình Lam đã ngắm sâu vào từng huyết quản li ti của chị, gặp lại những anh huynh trưởng lão thành, chắc chắn niềm vui đó "vô tả", nhưng vẫn tả được "Hai ông anh" áo lam, "trưởng lão" GDPT Canada :

*Hoàng Thanh Thắng, Tử Đồ Minh,  
Hai anh Quảng Trị, Quảng Bình gần nhau,  
Anh thì mập, anh thì cao,  
Có hai bà vợ, ôi chao tuyệt vời !  
Bà nào cũng đẹp cũng tươi,  
Công dung, ngôn hạnh, mọi người kém xa,  
Sở sở vài nét gọi là,  
Cầu mong hai họ : Tử, Hoàng rạng danh.*

**(Hai ông anh)**

Quả vậy, về với đại gia đình áo lam, chị tìm được nguồn an lạc, tìm lại tuổi trẻ đã bị thời gian cuốn đi, tìm lại được nụ cười mà sóng gió cuộc đời gian truân đã bao phen dập tắt. Có lẽ cái bờ ngõ buồn chán ban đầu của "kẻ ly hương" dần được thay thế bằng niềm tin Đạo yêu đời.

Vì tập thơ chị dành để kỷ niệm cho con cháu, nên rất nhiều bài chị tâm sự với các con trong gia đình chị. Đó là lẽ tự nhiên của một người mẹ Việt Nam dành tâm tình cho con cái mình. Qua Tâm sự

kẻ ly hương, Vũ thấy chị Phong Vũ không phải là người đứng nhìn mưa gió bên ngoài để làm thơ như các nhà thơ khác, mà từ mưa gió trong tâm hồn chị đã trình bày suy cảm theo vần điệu mà thôi. Tâm hồn chị dạt dào tình cảm như mưa, và cuồng mạnh như gió.

Phong Vũ đã cho chúng ta nhiều ấn tượng sâu sắc trong cái chiều sâu tâm hồn của một người phụ nữ, một người mẹ Việt Nam. Dù có viết tràng giang đại hải và dẫn chứng hết tập thơ, Vũ cũng không thể diễn tả được chiều sâu đó, các bạn có thể biết thêm về chị, xin xem đoạn phỏng vấn chị do Huyền Trang thực hiện tại Đại hội GDPT VN hải ngoại với cái tên là **Nguyễn Viễn - Bành Thi Ngọc Diêu.**

Trên một chuyến xe ca thăm làng Mai, miền Nam Pháp, Vũ còn được nghe chị hát, một bà già 70 tuổi nhưng giọng hát còn rất nồng nàn, âm điệu và nhịp phách vẫn tiết tấu hài hoà ...

Vũ xin nói với chị để thay lời kết cho vườn thơ lần này : "Em vẫn nhớ mãi bài hát đó, và mỗi lần hát em luôn nhớ đến chị, chị Nguyễn Viễn - Phong Vũ ơi !!" □

Tin văn



**NGƯỜI VIỆT NAM VÀ TUỔI THỌ**

Tổ chức Lão khoa của Pháp đã tiến hành đề tài "Các cụ trăm tuổi" ở Việt Nam, và đã thống kê được 728 cụ có tuổi từ 100 trở lên. Người cao tuổi nhất được 110 tuổi. Trong 728 cụ thì các cụ bà chiếm 68%, nơi có nhiều cụ sống thọ nhất là tỉnh Thanh Hoá : có 95 cụ ; Ở Lai Châu có 93 cụ, Sài Gòn có 28 cụ và Hà Nội chỉ có 21 cụ. Gần đây trong cuộc điều tra người ta lại phát hiện thêm tại tỉnh Gia Lai có thêm 20 cụ thọ trên 100 tuổi, trong 20 cụ này phần lớn là người Gia ray và người Bana.

Huế,  
một  
kỷ  
niệm  
xưa !



Đồng Vọng - (Đảo Honshu 30/6/97)

*Lời tác giả : Các bạn trẻ phương xa thân mến*

*Do không phải là sử gia nên không có ý định bình giá về các sự kiện lịch sử vừa xảy ra trên quê Việt. Thêm phần cái quá khứ đó còn nóng hổi, cận kề quá nên khó lòng có thể khái quát nó một cách bình tĩnh, khách quan và đầy đủ. Chỉ mong kể lại cho các bạn những điều đã xảy ra đối với các thân phận bình thường trong cơn xoáy lốc này Trong ý nguyện gửi đến các bạn hình ảnh của đủ ba miền của đất nước, mình viết tiếp loạt bài về Huế này sau khi đã kể một ít về cảnh vật ở quê Bắc cho các bạn. Bài viết khá dài, để các bạn dễ đọc mình tách ra làm ba phần, gửi dần cho các bạn.*

Giữa những năm sáu mươi, hàng năm cứ mỗi độ nghỉ Tết hay nghỉ hè, mình thường được về thăm quê ngoại ở Huế. Nhà ngoại ở cửa Nhà Đờ, trong Thành Nội. Đường đi vào nhà đi qua cái cổng thành bằng gỗ, lúc bé thấy to lớn lắm và có phần kỳ diệu như đang đi vào trong một trang truyện cổ tích vậy. Cứ tưởng tượng là hãy còn chú lính chân đầu đội nón chóp, chân quấn xà cạp, đứng cầm giáo gác trên bờ thành. Và sau bức tường thành kia hẳn còn ngựa voi, quan lính đứng chầu.

Đọc hai bên đường đi, là những hồ sen bát ngát. Trên tán lá xanh ngọc thạch phủ kín hồ sen, thấp thoáng điểm những cánh sen hồng, nhụy vàng tỏa hương thơm ngát làm dịu đi cái nóng gay gắt của gió Hạ Lào trong buổi trưa hè. Sáng sớm, có người chèo thuyền thúng chịu khó đi hứng sương đọng

trong từng cánh hoa vào một cái ấm nhỏ đem về làm nước chuyên trà để để giữ cho được cái vị thơm tinh khiết của chén trà sen. Từ cái ấm chuyên nhỏ rót ra độ ba chung hạt mít thôi, thấy quý báu lắm không dám uống vội. Vốn sinh ra và lớn lên ở đất Sài Gòn từ mùa nắng chói chang, rực rỡ. Rót trà nhai vào từng ly cối lớn chất đầy nước đá, uống vội đánh ực một hơi để dần ngay cái nắng khát xuống. Nay thấy người Huế họ nâng niu từng chén trà hạt mít một, lấy làm ngạc nhiên và thích thú cho sự tinh tế trong việc thưởng thức các ý vị của đời sống.

Trong Thành Nội hầu như nhà nào cũng có một mảnh vườn trồng cây ăn quả với hàng rào dâm bụt cao dày. Vườn nhà ngoại mình có một cây thanh trà (một loại bưởi) mùa hè trái đậu lúc lỉu thấp vừa tầm tay người hái. Mấy dì trộn thanh trà với mực khô Thuận An cùng nước mắm ớt, đem cái vị thơm của hoa quả để át đi cái tanh của đồ biển nhưng vẫn giữ cái ngọt đậm của nó quả là tài tình. Vườn có đủ nhãn tiêu, mận ổi, bồ quân. Nhưng do còn quá bé, cầm cây sào dài không nổi nên phải nhờ người lớn hái hộ. Mỗi lần nhờ thường bị chọc bởi cái giọng Nam rặt của mình : " Cái o ni là con gái Sài Gòn phải dzậy không?", nghe ức ghê lắm nên thôi tự tha thân lấy trong vườn. May mà vườn còn mấy gốc dâu ta rất ngọt thấp sát đất, và đàn đậu quyen vừa tầm hái của con nít. Chiều hay canh lúc người lớn bắt lửa thổi cơm mà lên vùi đậu quyen vào than tro nướng, ngồi chờ nghe vỏ đậu nổ đánh bụp, lấy cái gắp than khều ra, bỏ hạt đậu vừa nướng chín thơm phức lên lòng bàn tay thổi phù phù, chực chờ cái vị ngọt thơm của nó. Người lớn có vô tình đi qua, thì vội giấu ngay vào vạt áo vì sợ bị mắng là chơi lửa dễ bị phỏng. Bây giờ, các cửa hiệu bày kẹo bánh, chocolat trong các hộp rất đẹp và bắt mắt. Chỉ bật nắp hộp ra là đã bỏ bánh kẹo vào mồm ngay, không sao có được cái thú hồi hộp chờ đợi như những ngày ngồi bên bếp than đó nữa.

Ông tôi trước là Đốc học, rất nghiêm, nhưng khi về già lại thương chiều con cháu ghê lắm. Mình tháo phá của ông nào là cối xay tiêu, nào đồng hồ để bàn, nhưng ông không hề rầy la. Có lần trèo cửa sổ lượm trứng chim làm bể cả kính, nhỡ ra tội nặng hẳn là bị đòn đau nhưng nhờ ông che chở nên được tha cho. Ông hay dẫn lên chùa Từ Đàm và chùa Thiên Mụ để thắp hương. Sân chùa Thiên Mụ có đàn su le xanh mướt và một gốc phượng già, hè về nở hoa đỏ chói bật nổi trên lớp tường vàng phủ rêu. Chùa có dây bậc thang dẫn thẳng xuống dòng sông

Hương để khách vân lai có thể cập bến viếng cảnh chùa. Nước sông Hương ở đoạn này trong xanh chứ không đục như khúc sông qua chợ Đông Ba nên cả một tòa tháp cao soi mình xuống mặt sông quyện hòa với sắc xanh của đôi cây bao quanh. Ông tôi thường tiếc nếu như an ninh hơn là đã dẫn mình đến thăm lăng mộ của vua nhà Nguyễn ở sâu trong ngàn ròi. Ông thường hay nhắc đến cái làng Hương Cần quê ông với những vườn quýt ngọt nổi tiếng, tiếc rằng lúc ấy đường về làng cũng bị súng đạn rập rình nên thôi.

Sáng trăng, ông dẫn đi nghe hò Huế trên chiếc đò con xuôi dòng Hương Giang. Mũi đò nâu đen sắc nét trên nền trăng vàng đỏ đang nhú dần lên ở bên sông đẹp như một làn mực tàu đọng trên sắc giấy chu sa vậy. Trăng lên cao dần, trời càng xanh trong, mặt sông như được giát nhũ vàng, một giọng hò tha thiết ngân vút lên giữa khoảng không im ắng cao rộng:

"À ơi, thiếp gặp chàng như hoa gặp chậu,  
 Chàng gặp thiếp như hạc đậu lưng quy.  
 Chủ thiếp dặn chàng là dặn làm ri,  
 Chủ gặp nói mô giàu sang đừng mô.  
 Hà ở, gặp nói mô giàu sang đừng mô  
 Dẫu thiếp có lâm nguy cũng đợi chàng"

Lúc ấy còn quá nhỏ, nào đã hiểu cái tình ý của câu chữ chi đâu, nhưng suốt đời vẫn mang theo niềm cảm nhớ cho giọng hò trong đêm trăng này. Cũng không ngờ chỉ một năm sau, tiếng bom đạn làm tắt mất những câu hò trên sông nước này. Chinh chiến tàn khốc, dai dẳng, mãi đến gần ba mươi năm sau mới có dịp về thăm bến sông xưa, vọng tưởng lại điệu hò những ngày còn thơ, lặng người đi mà khóc cho cái "nghĩa nặng tình dày muôn dặm chưa quên" này.

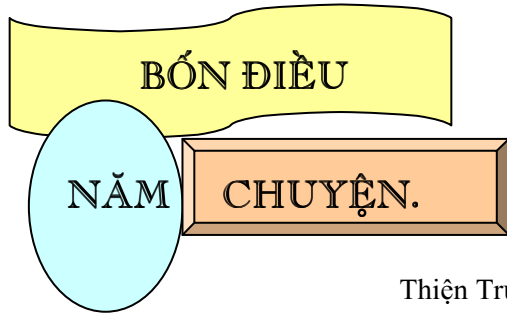
## Nỗi lòng

(Kính tặng các anh chị Cựu Huynh trưởng)

THIỆN TÍN - PTĐ

"Ai ra đi mà không hề bịn rịn  
 Rồi yêu thương, nào có mấy ai vui"  
 Thời niên thiếu anh sống đời nô lệ  
 Lớn lên là gặp khói lửa binh đao  
 Bao mơ ước đã chìm trong hoạn nạn  
 Hỏi ai nào ... người thấu nỗi lòng anh  
 Năm mươi năm là một quãng đường dài  
 Từ tiếng vọng Pháp âm lời cảnh tỉnh  
 Lên Đồng Ấu Phổ cập Hóa Phật tâm  
 Đem tình thương anh trải về muôn nẻo  
 Giúp đàn em hướng tới những ngày mai  
 Đến tương lai của cuộc đời bình dị  
 Là tự do hạnh phúc chẳng hạn thù  
 Nay ra đi vượt ngàn trùng bão táp  
 Đến xứ người quanh quẩn thấy toàn Tây  
 Còn dân ta chỉ mấy người lác đác  
 Làm sao đây ? để lập một Gia đình  
 Ươm Sen Trắng trong màu xanh bát ngát  
 Giữa đất này Âu, Mỹ lấm tuyết bay  
 Bao trần trở tóc đen thành bạc trắng  
 Mà trong lòng canh cánh những suy tư ...

Có Gia đình rồi ... cách chi giữ được  
 Theo thời gian phát triển phải thế nào ?  
 Giữa xứ Âu Tây tràn đầy vật chất  
 Đủ thứ đam mê, cám dỗ, đua đòi  
 Mà ta vẫn trọn tình người xứ Việt  
 Nhớ tiếng quê hương ... thoát khỏi mê mờ  
 Sống biết yêu thương tình đời chân thật  
 Có lòng từ ... vốn biết mấy công lao  
 Năm mươi năm thực ra cả cuộc đời  
 Cho lý tưởng giữ gìn hồn dân tộc  
 Qua gian nan, thử thách chẳng héo mòn  
 Ngoài "thất thập" mà chân còn vững bước  
 Đến với đàn em ... nào có thể dừng  
 Nên cứ đi, cứ tới với từng người  
 Cho nụ cười trên môi luôn rạng rỡ  
 Giúp cho đời tiếp nối những mùa xuân  
 Các em ơi ! ráng mở rộng công trình ...  
 Trước lúc anh đi ... bớt niềm trần trở  
 Và lòng này thanh thản...chấn thiên thu  
 !!!



**BỐN ĐIỀU**  
**NĂM** **CHUYỆN.**

Thiện Trúc

Đây là những điều những chuyện đạo đi song song với đời. Mà chuyện đời ở cõi Ta Bà này thì lúc nào cũng hấp dẫn vì có đủ vị, sắc, ái, ố bên cạnh. Nhưng nếu ta biết khéo chuyển bốn vị trên trở thành vị Từ, Bi, Hỷ, Xả cho mình và cho người thì chính là ta đang bước vào đường Đạo. Đường đời và đường Đạo tuy hai mà một vì nếu không có đời sẽ không có đạo, chúng không thể tách lìa nhau hay nói kiểu cách thì là Phật pháp bất ly thế gian pháp, quý Thầy chẳng từng nói thế sao? Đức Phật sơ dĩ thành Phật cũng từ cõi kham nhẫn này chứ Ngài đâu có thành Phật ở cõi trời nào khác. Dù chưa hay đã thọ Bồ tát giới chúng ta đều biết ít nhiều về bốn điều năm chuyện này đó là: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Về bố thí cũng còn được gọi nhiều tên khác nhau như cho, biếu, tặng, dâng, cúng dường, vì còn phải tùy ở đối tượng của sự cho nữa. Nhưng ở đây bố thí là dùng phương tiện để đưa người ta vào Đạo. Thí dụ như thu bằng thuyết pháp để biếu bạn khi biết bạn ta thích nghe, nhưng cũng đừng quên ta phải tế nhị một chút, chẳng hạn anh này thích nghe bằng giảng về Tịnh độ mà ta cứ đưa bằng Thiền thì anh lắc đầu cảm ơn. Chị kia thích bằng tụng chú Lăng Nghiêm với nhiều thầy tụng và xướng có kèm nhiều nhạc cụ như khánh, chiêng trống vang rền nghe hấp nhĩ, mà ta đưa bằng của vị thầy nào lạ hoắc tụng "solo" nghe buồn ngủ thì chắc chị ngủ thiệt. Còn ái ngữ thì ta phải có lời nói êm dịu. Điều này nên tập luyện trước nếu chẳng may trời phú cho ta cái giọng nói "mặn" như nước biển ai nghe cũng muốn xa nhau. Phải thường xuyên rèn luyện chớ không phải để có. Muốn vậy ta nên tu tập một chút thiền định để khi gặp chuyện gì đó mình

nổi sân lên liền ý thức được mình đang nổi sân thì mới có khả năng làm cho lòng sân si lắng xuống và may ra mới có ái ngữ được, chớ nếu không ta chỉ có ái ngữ tụng kinh với Phật thôi. Những người mua bán hay các nhà ngoại giao há chẳng phải là họ học cách ái ngữ để mong moi tiền của khách hàng hoặc chuyển chiến tranh sang hòa bình hay sao? Ngoài đời có câu "mật ngọt chết ruồi" là muốn nói về trường hợp ái ngữ này, nhưng trong Đạo dùng mật ngọt để dẫn dắt người vào Đạo chớ không phải dùng mật ngọt để giết hại ai. Câu đối lại với mật ngọt là "Thuốc đắng già tật" nhưng tâm lý người đời ai ai cũng thích mật ngọt hơn thuốc đắng. Gặp chúng sanh càng cường quá mà ta chỉ biết quát tháo hay ra lệnh thì ta nói ta nghe.

Hai phương tiện sau là lợi hành và đồng sự tương đối khó làm vì chỉ những người có tâm địa bồ tát đại thừa không câu nệ chấp trước vào hình tướng, sẵn sàng hy sinh danh dự và quyền lợi cá nhân để cứu giúp kẻ khác mới dám thực hành. Một người mê tiền ham của mà rủ họ đi chùa nghe thuyết pháp thì coi chừng họ "ái ngữ" lại với ta. Trong thiền sử có Hòa thượng Bạch Ẩn Huệ Hạc nổi tiếng có rất đông đệ tử tới xin quy y, trong số đó Ngài giúp cho 1 cậu thanh niên thuyết phục được cha mình niệm Phật để cuối cùng ông đã vào chánh định trước anh là người tu thiền. Anh ta hỏi cha mình có muốn đi chùa không anh chớ đi thì ông bảo: "Đi chùa có té tiền té bạc không hay là tốn tiền thêm rồi bắt thằng già này trả?" - Cậu con chuyển sang rủ cha đi nghe thuyết pháp cũng thất bại. Cuối cùng Hoà thượng bày kế cho ông cha tu bằng cách niệm Phật để té tiền té bạc. Nếu ông niệm xong 1 xâu chuỗi 108 hạt thì được 1 quan tiền vàng. Ban đầu ông vừa ngồi niệm Phật vừa bán hàng riết rồi ông dọn lên gác đóng cửa để niệm vì sợ nếu có người biết được cách làm ăn này sẽ cạnh tranh với ông. Thế rồi vài tháng sau ông cho mời Hoà thượng tới để thưa rằng "Con mang ơn Thầy đã dạy cho con biết thế nào là niệm Phật lần chuỗi và ngồi thiền. Ban đầu tiếng niệm Phật của con còn là cái bên ngoài, niệm riết cho đến từng hơi thở, từng nhịp tim

đạp của con cũng là tiếng niệm Phật để rồi tiếng niệm Phật yên lặng hẳn và trong lòng con hoàn toàn yên tĩnh không còn lo lắng tán loạn nữa, vì con cảm nhận được rằng không gì hạnh phúc cho bằng sự an tĩnh của tâm thức"... điều đó cho thấy Bồ tát khi muốn độ 1 chúng sinh phải trải qua bao nhiêu kiếp các Ngài cũng kiên nhẫn.

Cuối cùng là đồng sự là cùng làm những việc giống như kẻ khác để độ họ. Sau đây là câu chuyện "Gà tây người" cho thấy hiệu quả của việc đồng sự (\*). Một vị vua ở xứ nọ có đứa con trai độc nhút là thái tử, một hôm thái tử lâm bệnh và mất trí, quên mình là con vua mà cứ tưởng mình là 1 con gà tây. Anh ta cởi hết quần áo chui xuống gầm bàn ngồi chồm hổm, kêu lên những tiếng như gà tây và nhặt ăn những hạt cơm rơi. Nhà vua đau khổ vô cùng nên triệu tập tất cả danh sư và danh y đến để chữa trị cho thái tử. Hết danh sư, danh y đến các đạo sư và hiền triết ai nấy đều cố gắng hết sức nhưng vô hiệu. Một ngày kia có vị hiền giả (tạm gọi là hiền giả vì bên ngoài ông ta ăn bận hơi bê bối) đến gặp vua xin trị bệnh cho thái tử. Thấy vị này bê bối không oai nghi, đạo mạo nhưng ngật đã lâu rồi ai nấy đều bó tay nên vua đành chấp thuận. Thật ngoài sức tưởng tượng, trước mặt vua vị hiền giả kia cũng cởi hết quần áo chui xuống gầm bàn ngồi bên cạnh thái tử, kêu lên những tiếng như gà tây và nhặt ăn những hạt cơm rơi. Thái tử thấy vậy la lên : "bộ ông khùng hả, ai bảo ông làm giống tôi, ông không thấy tôi là con gà tây sao ?" Vị hiền giả nói : "tôi cũng là gà tây mà !"

Từ từ hai con gà tây người làm quen và bắt đầu nói chuyện với nhau, người ngoài nhìn vào chỉ thấy hai gã đàn ông trần truồng ngồi chồm hổm dưới gầm bàn nhặt ăn những hạt cơm rơi. Thấy thế vua và quần thần chán nản lác đác bỏ đi. Hai gà tây người bắt đầu đùa giỡn, kể chuyện cho nhau nghe và chế nhạo loài người. Ngày qua ngày, một hôm con gà tây già (vị hiền giả) bỗng nhiên đòi ăn vài món ở trên bàn vua, gà tây trẻ (thái tử) la lên : "Ông khùng rồi hả, tại sao bắt chước ăn giống tui nó ?", gà tây già trả lời : "Đừng lo, mình ăn giống họ nhưng mình

vẫn là gà tây. Thế rồi hai gà tây trước kia chỉ nhặt cơm rơi dưới đất ăn nay bắt đầu vói tay lấy những thức ăn trên bàn. Rồi lần lần gà tây già mặc một quần đùi và đi vớ vào, gà tây trẻ lại la lên "Ông có điên không, tại sao lại ăn mặc giống tui nó ?"

Gà tây già nói : "Chú mày đừng lo, mình chỉ đùa giỡn mặc giống họ thôi chứ mình vẫn là gà tây". Câu chuyện cứ thế tiếp tục cho đến một ngày kia gà tây trẻ trở lại hoàn toàn thành thái tử như xưa.

Trong câu chuyện trên ta thấy vị hiền giả bê bối kia chính là một bồ tát, sẵn sàng từ bỏ chức vị hiền giả, tự tại cõi trường làm một con gà tây để độ một kẻ khùng. Mọi sự vật ở đời đều tương đối, không những có hai mặt mà là muôn mặt. Ta không thể đánh giá sự vật và con người qua hình tướng bên ngoài và qua sự nhận thức chủ quan của ta.

Tứ nhiếp pháp là những phương tiện thiện xảo của hàng bồ tát độ sinh, người thường khó làm được, nếu đạo lực chưa đủ mà muốn bắt chước làm bồ tát thì sẽ bị chúng sanh "độ" lại. Căn tánh chúng sanh không đồng đều do đó chúng ta phải "tùy cơ ứng biến" để "độ" hay để "đưa đò" giúp họ nếu ta muốn cảm hóa ai vào Đạo. Trong các chùa thường hay thờ các vị thần mặt hiền và bên cạnh cũng có những vị thần mặt dữ dằn là như vậy.

Còn "năm chuyện" trong đạo Phật là chuyện gì ? Đấy chính là ngũ minh, là năm cái sáng hay năm kiến thức cần có của người muốn cứu nhân độ đời : nội minh, thanh minh, nhân minh, công xảo và y phương minh.

Về nội minh thì phải rành giáo lý kinh điển. Chúng sinh có hai cái khổ đó là tâm bệnh và thân bệnh. Nếu chúng ta rành kinh điển thì sẽ chữa được bệnh tâm cho chúng sinh để khỏi bị phiền não. Hiện nay rất nhiều bệnh phát xuất từ tâm thức rồi ảnh hưởng đến thân, ta lo nghĩ nhiều cũng ảnh hưởng đến thân như bệnh thần kinh, bệnh đau bao tử chẳng hạn. Do đó thân và tâm tuy hai mà một, ta chữa trị cho tâm khỏi

bình tức là ta ngửa cho thân ta được an vui vậy.

Còn thanh minh ở đây dịch sát nghĩa là cái sáng của âm thanh chứ không phải cái sáng của ánh đèn sân khấu Thanh Minh Thanh Nga. Cái sáng của âm thanh tức là sinh ngữ, là tiếng ngoại quốc phải cho rành. Nếu ta chỉ biết yêu có tiếng mẹ đẻ thôi thì ta chỉ truyền bá đạo trong vòng người Việt thôi, như vậy không trọn vẹn con đường Bồ tát đạo. Khi có người ngoại quốc muốn tìm hiểu đạo Phật ta không nói được tiếng của họ mà lại lác đàu lè lưỡi bảo "Rất tiếc tôi chỉ nói được tiếng Việt" thì họ sẽ quay lưng đi mất. Ngày nay nhiều người ngoại quốc biết đến đạo Phật cũng nhờ quý thầy xử dụng phương tiện thanh minh này để hoàng pháp vậy.

Về Nhân minh gọi cho đủ là nhân minh nhập chánh lý luận, là môn học về tranh luận, nói nôm na là môn "cãi lộn". Đức Phật hồi xưa cũng bị ngoại đạo đến xin tranh luận nhưng lần nào Ngài cũng thắng. Ngài Huyền Trang khi xưa sang Ấn Độ học cũng đã từng đi tranh luận với ngoại đạo và cũng thắng. Các ngài Mã Minh, Vô Trước và các vị tổ như Long Thọ cần phải giỏi tranh luận chứ nếu không bọn ngoại đạo đôi khi thách thức nếu thua phải nhường chức giáo chủ hoặc cắt đầu chặt tay và bao nhiêu đệ tử phải quy hàng kẻ thắng cuộc. Hồi xưa môn này rất quan trọng, còn bây giờ nếu mình khá và biện luận đúng, nói đúng lẽ Đạo, giải đáp nỗi những thắc mắc thì họ mới theo, nhứt là giới trí thức họ hay hỏi khúc mắc, éo le lắm. Thí dụ họ hỏi đạo Phật là đạo cứu khổ, diệt khổ mà sao chúng sanh và dân Việt còn khổ và khổ dài dài.

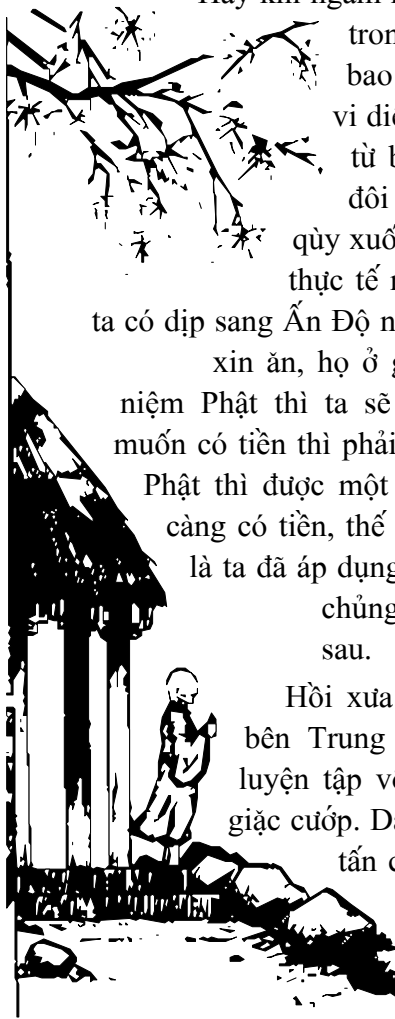
Môn kế là Công xảo minh là môn học về kỹ thuật, công nghệ phải thật thiện xảo để giúp Đạo giúp đời. Thí dụ biết nấu ăn giỏi và siêng nấu nướng đồ chay để Phật tử đến chùa có bữa ăn ngon lành và lần lần họ ghiền đi chùa vì biết chùa có nấu ăn ngon, rồi cuối cùng họ sẽ mở tâm, mở tai ra nghe pháp nghe kinh, biết bố thí

cúng dường chùa. Những người biết xử dụng máy vi tính để in kinh, sách, báo chí Phật pháp cho Phật tử đọc mà tìm về Đạo. Hoặc những người đúc chuông mõ, khắc tượng Phật để khi ta nghe tiếng chuông mõ vang lên tâm ta thấy an lạc, thấy tỉnh thức, biết đời là vô thường, khổ và sẽ lần lần thấy được cái ngã của mình là không.

Hay khi ngắm nhìn tượng Phật tìm thấy trong đôi mắt ngài cái nhìn bao dung tha thứ và nụ cười vi diệu của ngài ẩn chứa lòng từ bi thương xót khiến cho đôi mắt ta phải ngấn lệ và ta quý xuống đánh lễ ngài. Một cái thực tế nhứt, dễ làm nhứt là khi ta có dịp sang Ấn Độ nơi có đông dân chúng đi xin ăn, họ ở gần Phật mà không biết niệm Phật thì ta sẽ dẫn dụ họ bằng cách: muốn có tiền thì phải niệm một câu A Di Đà Phật thì được một đồng, niệm càng nhiều càng có tiền, thế là họ ham mà niệm. Đó là ta đã áp dụng công xảo minh để gieo chủng tử Phật cho họ ở kiếp sau.

Hồi xưa ở các chùa Thiếu Lâm bên Trung Hoa các vị sư đều có luyện tập võ công để phòng chống giặc cướp. Dân làng hay bị giặc cướp tấn công hoành hành nên họ hay lên cầu cứu các vị sư trong chùa, nếu quý thầy chỉ biết cầu an thôi thì cướp không chịu chạy, do đó họ phải ra tay nghĩa hiệp bằng cách xử dụng võ nghệ để đuổi cướp và trấn an dân làng. Đây cũng là công xảo minh.

Còn bửu bối cuối cùng là Y phương minh tức là biết về y dược, về phương thức phòng bệnh, chống bệnh cho mình và cho người. Biết châm cứu, luyện tập khí công mà quý thầy cô đã xử dụng ở các chùa tại Việt Nam và hải ngoại để cứu giúp đồng bào, đó là các thầy cô đã dùng phương tiện chót trong ngũ minh vậy. Nhìn trở về chùa nếu trong chùa có ai thỉnh thoảng bị áp



huyết cao, đau bao tử hay gì gì đó mà quý Thầy lác đầu bảo "A Di Đà Phật, cái này tôi chịu thua, xin mời đến bác sĩ trị !" Vậy là quý thầy hoặc chúng ta chỉ biết chữa bằng tâm bịnh là chưa đủ. Còn nếu ta biết cách trị cho họ hết bịnh hoặc cứu họ qua cơn thập tử nhất sinh nào đó thì họ sẽ coi ta như vị cứu tinh hay một vị bồ tát, lúc đó ta nói gì họ cũng nghe và sẽ dễ dàng dắt họ tới gần Đạo hơn.

Muốn độ đời phải đi vào cuộc đời tức là đi con đường bồ tát đại thừa. Chúng ta cũng cần phải có nhiều tình thương người (tình vô lậu), cần đôi chút nguyện và lực để tăng thêm lòng can đảm và sức dũng mãnh giống như ngài Văn Thù Bồ tát có thanh kiếm trí tuệ để chặt đứt dây phiền não làm cản bước những người hành bồ tát hạnh. Khi đã có sẵn lòng từ bi thương người cùng trí tuệ xét soi thì ta mới hiểu, mới chia xẻ được niềm đau nỗi khổ của chúng sinh. Chúng ta cần có chút xíu nhận thức là khi học Đạo tức là ta lấy cặp mắt kính Đạo đeo vào để quay ra nhìn lại cuộc đời, thấy sự đời dưới ánh mắt Đạo thì lúc đó đời được Đạo chuyển hóa, lúc đó mình vẫn sống trong đời mà không lìa Đạo và mình vẫn sống trong Đạo. Còn nếu thấy Đạo do đeo mắt kính Đạo vào để học xong gỡ ra, trở lại đời lấy mắt kính đời đeo vào thì hai cái không dính vào nhau, vậy thì mặc dù ta có tu cách mấy mà cuộc sống chúng ta vẫn không có gì thay đổi cả thì nói gì đến thay đổi được người khác, cứu độ được ai ?

*\* Nguyên tác của Jean Yves Leloup,  
thầy T. Trí Siêu dịch*

*Trang giới thiệu sách*

**ĐỌC**  
**"Chuyện Kể năm 2000"**  
**của Bùi Ngọc Tấn**

Trần Bình Nam

"Chuyện Kể Năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn gồm 2 tập, dày khoảng 1000 trang in cỡ chữ trung bình do Nhà xuất bản Thanh Niên Hà nội in và xuất bản.

Sách in xong nộp lưu chiểu khoảng tháng 2/2000 chưa bán ra thị trường đã bị nhà nước ra lệnh tịch thu. Nội dung cuốn sách đã được chuyển ra ngoài bằng mạng lưới điện toán cho nhà văn Tưởng Năng Tiến và đang được phổ biến rộng rãi tại hải ngoại. Từ năm 1986 khi tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cởi trói văn nghệ, nhiều sách do các nhà văn trong nước viết được gửi ra hải ngoại như các tác phẩm của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương ... chưa có một cuốn nào gây dư luận sôi nổi như cuốn "Chuyện Kể Năm 2000".

Bùi Ngọc Tấn viết chuyện ký về nhà văn Nguyễn Văn Tuấn (chính là tác giả) bị tù 5 năm từ 1968 cho đến năm 1973. Tập 1 ghi lại chuyện tù tù các trại giam trại 76 ở Hải Phòng, 75 ở Hà Nội đến các trại tù Q.N, VQ. Tập 2 ghi lại những khó khăn nhà văn Nguyễn Văn Tuấn gặp phải sau khi ra tù. Những khó khăn kéo dài triền miên từ năm 1973 cho đến năm 1990. Ông bắt đầu viết khi khối Liên Xô vừa sụp đổ. Ông nghĩ đã đến lúc có thể ghi lại những lỗi lầm của thế kỷ và chiêm nghiệm của bản thân lại cho mai sau. Ông ra tù năm 39 tuổi, ông viết :

"Thập niên thứ tư : Dưới đáy. Cố ngoi lên để khỏi bị nhận chìm dưới đáy. Đấu tranh đòi hưởng công bình, đòi hưởng luật pháp".

"Thập niên thứ năm : Chiêm nghiệm. Xác nhận thực tại mình bị tiêu diệt. Hiểu".

"Thập niên thứ sáu : Trò chuyện với vô cùng." Ông trò chuyện với vô cùng qua những trang giấy trắng.

Ông miệt mài viết trong 15 tháng liền, kết thúc bản trường thiên ký sự cuối năm 1991. Không ai biết tại sao tác giả ngâm bản thảo suốt 8 năm cho đến tháng 8 năm 1998 mới tìm cách cho cuốn sách ra đời một cách công khai. Có lẽ nhà văn Bùi Ngọc

Tấn chờ chế độ đã làm cho cuộc đời ông bầm dập cáo chung, hay không còn chờ được nữa, hay nghĩ chế độ đã đủ cởi mở để nghe những lời ông nói. Đúng, chế độ đã đủ cởi mở để cuốn sách ông qua lọt các thủ tục kiểm duyệt, nhưng sau cùng những người nắm quyền lực tối thượng vẫn còn lo sợ không cho cuốn sách ông được phổ biến. Nhưng có gì ngăn cản được thông tin trong thời đại tin học. Càng cấm nó càng được phổ biến, càng được tìm đọc. Nếu đảng cộng sản Việt Nam không ngăn được nhạc Phạm Duy thấm vào quần chúng, thì đảng cũng không ngăn được những tư tưởng lấp lánh được chuyên chở bởi lời văn nhẹ nhàng, súc tích đậm ấm của Bùi Ngọc Tấn đến với nhân dân.

Ký sự về tù đầy, nhưng tù đầy chỉ là cái khung. Tác giả dùng cái khung đó để chi li đi vào phần thâm kín nhất của tâm hồn con người, trình ra những viên ngọc óng ánh cho chúng ta những giây phút thở dài nhẹ nhõm hay lo âu có khả năng làm cháy lòng ta. Cái tệ tàng, u uất, xấu xa nhất nếu được vẽ ra nguyên hình của nó cũng là một viên ngọc quý của văn học. Những điều phi lý của một chế độ độc tài toàn trị, văn chương thế giới đã nói nhiều. Nhưng cái phi lý nhà văn Bùi Ngọc Tấn ghi lại làm chúng ta choáng váng, nhức nhối, khó chịu. Nhà văn Nguyễn Văn Tuấn bị bắt vì đã viết cuốn sách "Những Tiếng Động Bị Nhốt" để ca ngợi những chiến sĩ thợ hàn đêm ngày nằm trườn mình trong những thùng phuy bé tí để hàn thùng xăng cho nhu cầu bộ đội Trường Sơn. Người thợ hàn nghe tiếng tí tách của ngọn hồ quang đầu đũa hàn, mình với mình, chịu đựng cam go nóng bức, tiếng động bị nhốt trong thùng không chia sẻ được với ai. Thế nhưng, ông Trần, ông Lan trong bộ máy công an cho rằng Bùi Ngọc Tấn lách chữ nghĩa để xỏ xiên đảng bóp chết tiếng nói của nhân dân.

Đầu năm 1972 sau 3 năm 8 tháng giam cầm, Nguyễn Văn Tuấn được đưa từ nhà tù QN về trại giam 75 ở Hà Nội để làm thủ tục phóng thích. Ngày phóng thích, Ngọc, vợ Tuấn được mời đến sở công an. Ông Lan, người công an chấp pháp từng lấy cung Nguyễn Văn Tuấn muốn nhân dịp này cho Tuấn có cơ hội nhận lỗi "với nhân dân" trước mặt những người đại diện đảng, nhất là trước mặt vợ để chúng tỏ uy quyền của đảng và thỏa mãn tự ái của ông.

Trong hơn 3 năm giam cầm ông Lan không khui ra được một lỗi lầm gì của người tù Nguyễn Văn Tuấn. Nhà văn Bùi Ngọc Tấn kể lại: "Hướng về

Tuấn như hướng về một thánh giả vô hình, ông Lan nói, trước hết anh phải xác định được những sai lầm của mình. Phải nhận thức được thiếu sót của bản thân. Chúng tôi giam giữ anh không ngoài mục đích ấy". Cảm thấy không có gì trắng trợn hơn, gian dối hơn, đạo đức giả hơn, đều hơn, Tuấn buột miệng đáp : "Thưa ông, cho đến giờ này tôi chưa được biết tội lỗi của tôi. Chưa ai nói cho tôi biết tôi có tội gì."

Người sĩ quan công an chấp pháp cười nhạt nói với vợ Tuấn : "Đấy, anh ấy cứ như thế đấy". Sau đó Tuấn được chở trở lại về nhà tù Q.N trên chiếc xe đít vuông có 4 buồng giam của Rumanian viện trợ, rồi chuyển lên trại VQ xa hơn, hắc ám hơn.

Đừng đọc "Chuyện Kể Năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn như một cuốn sách tố cáo chế độ tù đầy của chế độ cộng sản Việt Nam. Nhà văn Bùi Ngọc Tấn không có mục đích tố cáo chế độ tù đầy, ông cũng không dùng cuốn sách để tố cáo chế độ cộng sản. Cộng sản như thế nào ai cũng biết rồi. Hãy nhìn Stalin, Mao, Pol Pot, hãy nhìn cuộc đấu tố tại miền Bắc Việt Nam của thập niên 50... Và tù đầy: "nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại" đâu cũng vậy. Những khó khăn của người tù để lập lại cuộc đời ở quốc gia nào cũng có. Nhà văn Bùi Ngọc Tấn dùng cái khung tù đầy và những năm phấn đấu sau khi ra khỏi nhà tù để ngợi lên mà sống cho ra một con người để minh họa một bức tranh lớn của xã hội Việt nam dưới một chế độ không có tự do. Khi quyền lực thu vào tay của một số người, vừa làm công an, quan tòa và cai tù thì xã hội và con người phải sa đọa đến tầng thấp nhất của địa ngục. Địa ngục không chỉ ở trong nhà tù, địa ngục ở mọi nơi, trong cơ quan làm việc, trong công xưởng, nơi hàng mậu dịch, trường học, trong tâm tư của người chưa bị tù hay vừa ở tù ra, nơi chỗ kín đáo vợ chồng chần gối với nhau. Nhà văn Bùi Ngọc Tấn viết : Khi con người "không còn một nơi nào đi đến thì khủng khiếp thật. Đó là địa ngục của trần gian". Ông không đặt câu hỏi cái gì cho phép cái địa ngục đó tồn tại. Nhưng ai cũng biết: vì tự do là trái cấm. Chỉ có đảng độc quyền tự do, độc quyền tuyệt đối, độc quyền hiến định. Nhưng Tuấn không mất tin tưởng vào con người, và đó là cái làm anh sống, không chọn cái chết như người tù Ngụy Như Cẩn. Có lần Tuấn thổ lộ với Bình, một người bạn chí thân : "Bình ơi! Lòng chúng ta có bao giờ không trong sáng. Có bao giờ chúng ta không yêu mến con người. Có bao giờ chúng ta căm ghét cuộc đời này... ??"

Những chiêm nghiệm của tác giả được vẽ lại bằng một lối văn nhẹ nhàng đầy áp hình ảnh, không hời oán. Trong suốt 1000 trang giấy, trang nào cũng là một bức tranh nhỏ mang tính sự thật phảng phất tâm hồn bao dung của tác giả ngay cả những cảnh hung bạo nhất. Con người còn tất cả những nét đẹp trong tác phẩm của ông. Xấu chẳng chỉ là cái hệ thống, cái chế độ chính trị hư hỏng làm con người đi xuống, đi xuống mà không biết mình đi xuống như ông Trần, ông Lan, ông Quảng của sở công an, của một số bạn văn của tác giả trốn tránh ông vì sợ liên hệ dù ông đã được tự do không có án, của những người lối xóm vốn có thể là những người tốt bụng trong khu chung cư nơi ông ở trở thành những người điểm chỉ báo cáo. Bên cạnh đó, dù khó khăn, nghịch cảnh và đe dọa bởi tù đầy vẫn còn những người bạn tốt như Giang, như Dự, già Đô, Bình, như chị Linh - vợ một ông đại úy đang ở trong B. Nếu có những người không may như Lượng, đi tù vợ ở nhà không giữ được tròn tình chung thủy, vẫn còn những người như Ngọc, vợ Tuấn. "Nàng đau khổ hiểu rằng : Cả hán (Tuấn), cả nàng không có cách gì thoát khỏi cái mà cuộc đời đã dành cho hai người. Nàng thương chồng, nàng thương nàng. Nàng cam chịu". Cũng như vợ, tác giả cam chịu trước bóng đen đè ngạt xuống cuộc đời anh, xuống cuộc đời của những người tù đã được trả tự do. Từ nhà tù nhỏ trở về nhà tù lớn họ chỉ có thể trở thành kẻ cắp, móc túi, hay chết bở chết bụi không thân nhân giọt nước mắt cuối cùng. Già Đô đang lính Pháp đánh Đức trong thế chiến II, lập gia đình với một phụ nữ Pháp, có một cô con gái lai xinh đẹp, vì hào quang của Hồ Chí Minh, vì tình yêu đất nước bỏ vợ con ở lại về nước tiếp tay xây dựng quê hương, phục vụ "cách mạng", thấy cảnh chướng tai gai mắt nói lời bất mãn, bị tù. Ra tù không nơi nương tựa, già Đô làm đơn xin trở lại nhà tù bị bắt. Đến phút cuối cùng đói khát nắng mưa biết không qua khỏi, già đã chọn một ngôi đình để... chết. "Ngôi đình hoàn toàn hoang phế. Không một dấu vết thờ phượng... Thật là một chỗ nằm yên tĩnh lý tưởng để phiêu diêu. Chẳng ai quấy rầy già. Phiêu diêu là một cảm giác sung sướng lạ thường. Chẳng nhớ một điều gì, chỉ nhớ mình đang tan đi và đang bay..."

Nguy Như Cẩn, người tù lâu năm nhất của trại giam Q.N được sự kính nể của bạn tù vì tư cách và sự chịu đựng của anh, đã treo cổ tự vận sau khi trại tù hoàn tất thủ tục phóng thích. Anh nghĩ anh đã trả

đủ nợ đời và không muốn nhà tù lớn ngoài kia làm khổ anh và thân nhân anh. Anh chết đi còn nuôi tiếc chẳng là thương con cá chép trong hồ anh nuôi và huấn luyện bao nhiêu năm mỗi ngày chờ nghe tiếng gõ nổi lên để được anh cho ăn và ve vuốt.

Giữa bóng đêm tăm tối, đôi khi tiếng chửi đồng vắng vắng đầu đó trong khu cư xá giữa những người có quyền thế với nhau làm Tuấn thấy nhẹ nhõm trong lòng. Bà Buồng, vợ một ông công an, ganh tị vì không có cơ hội làm ra tiền bằng ông Tăng, đảng viên, cán bộ thủ công nghiệp khu phố, đã chửi ông Tăng: "nhân dân lao động còn khổ vì chúng mày. Bao nhiêu chiến sĩ hy sinh ở Trường Sơn để chúng mày như thế à? Ăn ngạp mồm ngạp miệng. Bòn rút của nhân dân. Dân chủ mà lại khốn nạn". Sao mà thảm thía ! Tuấn nghe mà thấy "vui lên một chút trong những năm tháng cùng cực". Nhà văn Bùi Ngọc Tấn tuyên dương tự do. Qua Sáng, một thanh niên tuổi mới đôi mươi năm lần vượt ngục. Những người cai tù coi cuộc vượt ngục của anh lần thứ nhất và lần thứ hai như là một hành động lãng mạn nhớ nhà con nít.

Lần vượt ngục thứ hai công an bắt anh lại khi anh đang ngồi ăn cơm với bố mẹ. Lần thứ ba anh bị cùm xà lim một tháng, lần thứ tư công an cho chó cắn bướm người anh trước khi nhốt anh 2 tháng xà lim.

Đến lần thứ năm họ mới nhận ra rằng đối với Sáng "tự do hay là chết" không phải là một cụm từ cường điệu nói cho vui. Họ quyết định cho anh chết và anh mỉm cười lấy cái chết đổi tự do. Tuấn gặp Sáng giữa bầy chó hung hãn và công an khi Sáng bị bắt lại sau cuộc vượt ngục thứ năm.

Tự do đối với Bùi Ngọc Tấn còn là tốc độ, dù là tốc độ 10 cây số một giờ của chiếc xe đạp cộc cạch của một người bạn tù vừa được tự do chở anh trên khoảng đường mòn giữa rừng rậm đến cơ quan lãnh giấy tờ xuất trại. Tuấn lẩm bẩm nói thầm với vợ : "Em, anh đang được tự do. Anh sẽ về với em". Gần 5 năm Tuấn mới lại được ngồi trên xe đạp và bây giờ Tuấn mới biết thực sự thế nào là tự do. Hơn một năm trước đây, tờ Văn Học, một tạp chí văn học có uy tín ở hải ngoại do nhà văn Nguyễn Mộng Giác chủ trương có đặt vấn đề, vì sao sau Truyện Kiều của Nguyễn Du Việt Nam chưa có đại tác phẩm nào có giá trị văn chương ở tầm vóc thế giới, và vấn đề đã tạo nên một cuộc tranh luận thú vị.

Thì đây "Chuyện Kể Năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn là đại tác phẩm văn chương chờ đợi chẳng?